

THE HUGE INTERNATIONAL BESTSELLER

JIM HARRISON

LEGENDS *of the* FALL

Huyền Thoại Mùa Thu

*Sau một mùa thu trong sáng,
huyền thoại bắt đầu...*

NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN



ĐÔNG Á

Huyền Thoại Mùa Thu

Nguyên tác : Legends Of The Fall

Tác giả : Jim Harrison

Dịch giả : Thanh Vân

Nhà xuất bản : Hội Nhà Văn

Ngày xuất bản : Quý III/2005

Kích thước : 13,5 x 20,5 cm

Số quyển / 1 bộ : 1

Nguồn : <http://www9.ttvnol.com>

Đánh máy (www9.ttvnol.com) : CuZin

Convert (TVE) : santseiya

Ngày hoàn thành : 16/07/2007

Nơi hoàn thành : Hà Nội

<http://www.thuvien-ebook.com>

Epub (02/2019): @lamtam, tve-4u.org

*Sau một mùa thu trong sáng,
huyền thoại bắt đầu...*

"Cuối tháng Mười năm 1914, ba anh em cùng nhau phi ngựa từ Choteau, Montana đến Calgary ở Alberta nhập ngũ... Một ông già da đỏ thuộc bộ lạc Cheyenne tên là One Stab đi theo họ..."

Jim Harrison bắt đầu Huyền thoại mùa thu như thế. Tác phẩm bất hủ này là một thiên anh hùng ca, rất xúc động, có khả năng gợi những cảm thương sâu sắc nhất của chúng ta. Từ vẻ đẹp thô ráp, hoang vắng của Montana đến các chiến trường đẫm máu ở Pháp, câu chuyện của Harrison kể về các chàng trai chiến đấu cho công lý trong một thế giới đã trở nên điên rồ. Trong tập tiểu thuyết nổi tiếng gồm 3 truyện Huyền thoại mùa thu, Báo thù, Khát vọng cuối cùng của Nordstrom này, Jim Harrison viết bằng một tài hoa vô song và tình yêu cuộc sống mãnh liệt.

"MỘT THÀNH CÔNG VANG DỘI"

- The New Yorker

"MỘT CÂU CHUYỆN XÚC ĐỘNG ĐẾN CHOÁNG VÁNG... JIM HARRISON KỂ CHUYỆN BẰNG MỘT TÀI NĂNG PHI THƯỜNG"

- National Review

"MỘT HUYỀN THOẠI MỸ TUYỆT VỜI, GÓI GHÉM TRONG NHỮNG TRANG VIẾT NGẮN GỌN. JIM HARRISON ĐÁNG ĐƯỢC TÔN VINH LÀ NHÀ VĂN GẦN NHƯ THẦN THÁNH"

- Chicago Sun-Times

Chương I

Cuối tháng Mười năm 1914, ba anh em cùng nhau phi ngựa từ Choteau, Montana đến Calgary ở Alberta nhập ngũ trong Thế chiến (Mỹ không tham chiến cho đến năm 1917). Một ông lão da đỏ thuộc bộ lạc Cheyenne⁽¹⁾ tên là One Stab đi theo họ để dắt ngựa về vì mấy con ngựa này thuộc loại thuần giống và cha họ cho là chúng còn non, không thích hợp cho các anh con trai cưỡi ra trận. Ông lão One Stab biết mọi lối tắt ở vùng bắc dãy Rockies nên họ đi qua những vùng hoang vu, phần lớn xa đường cái và khu dân cư. Họ ra đi trước lúc rạng đông, trong chuồng ngựa người cha cầm cây đèn dầu hoả bao quanh bằng da bò rừng, tắt cả đèn im lặng và lúc chia tay, ông ôm chặt các con, ngọn đèn hắt ánh hồng trong đám khói trắng mảnh đến tận rui nhà.

Trời vừa rạng, gió mạnh đập vào đám cây dương, những chiếc lá bay vèo qua đồng cỏ cao và cuốn tròn lại. Lúc họ lội qua dòng sông đầu tiên, gió xoáy rút lá bông, đập chúng vào các tảng đá. Họ dừng lại ngắm một con đại bàng bị trận tuyết đầu mùa trên núi xua xuống đang hoài công săn đuổi đàn vịt trời trong những lùm cây thấp. Ngay cả trong thung lũng này họ cũng có thể nghe thấy tiếng rú của gió đập vào các tảng đá lạnh lẽo bên trên các hàng cây.

Đến trưa họ băng qua dải phân cách và ngoảnh lại nhìn nông trại lần chót. Mấy anh em dăm dăm ngắm nhìn cảnh vật chẳng hề bớt đẹp chút nào trong gió rét căm căm mang không khí trong sạch, dù đã ở xa hai mươi dặm nông trại trông vẫn đẹp và gần gũi. Tuy nhiên, lão One Stabe không thích sự uỷ mị và tỏ ra khinh khi ra mặt lúc họ băng qua những con đường sắt của Bắc Thái Bình Dương. Đi xa thêm chút nữa, lúc nghe thấy tiếng tru ai oán của một con sói giữa trưa, họ giả vờ như không nghe thấy vì tiếng sói tru ban ngày bị coi là điềm gở nhất. Họ ăn trưa ngay trên lưng ngựa như để thoát khỏi âm thanh tang tóc và không muốn ngồi bên rìa trắng, vì có thể âm thanh bi thiết ấy lại vọng đến. Alfred, người anh cả, đọc lời cầu nguyện trong lúc người anh thứ hai là Tristan làm bầm nguyền rửa

rồi thúc ngựa vượt Alfred và lão One Stab. Samuel là út mãi nhìn ngắm hệ thống thực vật xung quanh. Anh là con cưng trong gia đình, mới mười tám tuổi đã học đại học Harvard được một năm về các phương pháp thực hành của Agassiz⁽²⁾ ở Bảo tàng Peabody.

Lúc One Stab dừng lại bên rìa một đồng cỏ lớn để đợi Samuel đuổi kịp, tim lão ớn lạnh khi thấy con ngựa lang từ cánh rừng lao ra và chàng kỵ sĩ đeo lên mặt nửa cái đầu lâu bò rừng đã bạc trắng và tiếng cười ròn rã của anh vang khắp đồng cỏ, vọng đến chỗ ông già da đỏ.

Ngày thứ ba của cuộc hành trình, gió đã lặng và không khí ẩm áp, sương mù mùa thu làm cho mặt trời sầm lại. Tristan bắn chết một con hươu làm Samuel phẫn nộ, anh chỉ ăn thịt hươu vì lễ phép với anh trai. Alfred trầm ngâm và giữ thái độ tránh né như mọi khi, chỉ thầm tự hỏi sao One Stab và Tristan có thể ăn nhiều thịt hươu đến thế. Anh thích thịt bò hơn. Khi Tristan và One Stab ăn đến bộ gan, lúc đầu Samuel cười và nói anh là người ăn tạp, rồi cuối đời sẽ thành loài ăn cỏ, nhưng Tristan đúng là một loài ăn thịt thực sự, có thể ăn suốt ngày, cưỡi ngựa suốt ngày, uống rượu suốt ngày, cũng như chơi gái suốt ngày. Tristan cho một người tá điền phần con hươu còn lại, ông ta cho họ ngủ nhờ đêm ấy trong cái nhà kho tồi tàn, họ thích ngủ ở đấy hơn trong căn nhà tuềnh toàng, buồng ngủ đầy trẻ con và sặc mùi nước đái. Những người nông dân không sở hữu đất đai có một đặc điểm chung là họ không hề biết ở châu Âu đang có chiến tranh, nhiều người thậm chí không biết châu Âu nằm ở đâu. Bất ngờ, trong bữa ăn tối, Samuel cảm thấy mền cô con gái đầu lòng của ông chủ nhà, anh trích dẫn một đoạn thơ của Heinrich Heine bằng tiếng Đức là tiếng mẹ đẻ của cô. Ông bố bật cười, còn bà mẹ và cô con gái lúng túng rời bàn ăn. Lúc tảng sáng khi họ ra đi, cô gái tặng Samuel chiếc khăn quàng cô đã thức suốt đêm để đan cho anh. Samuel hôn tay cô, hẹn sẽ viết thư, và tặng cô chiếc đồng hồ bỏ túi bằng vàng làm bùa hộ mệnh. One Stab nhìn thấy họ, lúc ấy ông lão đang ở bãi quây gia súc, thắng yên cho mấy con ngựa. Lão vớ lấy bộ yên của Samuel như vớ lấy số phận bất hạnh lúc nào cũng ở tầm xa nhất và đen tối nhất của giống đàn bà. Pandora⁽³⁾, Medusa⁽⁴⁾, các Bacchantes⁽⁵⁾, những Fury⁽⁶⁾ đều là đàn bà tuốt, cho

dù các nữ thần bé nhỏ nọ nằm ngoài khái niệm về nhục dục. Ai gây ra cái chết hơn bọn chúng, những kẻ có ảnh hưởng đến Trái đất hoặc trái tim người đẹp?

Họ phi suốt quãng đường còn lại đến Calgary trong cảnh hoa lá sum suê của mùa hè Indian ngắn ngủi. Trong một quán rượu bên đường đã xảy ra một việc tồi tệ vào lúc họ buộc ngựa, kiểm chai bia rửa miệng cho đỡ bụi.

Chủ quán không cho lão One Stab vào bên trong. Samuel và Alfred cãi lý với lão chủ quán, đúng lúc Tristan vừa cho ngựa uống nước xong bước vào. Hiểu ra đầu đuôi câu chuyện anh nổi điên lên, đâm đá túi bụi ông chủ quán lực lưỡng. Anh quăng một đồng vàng cho người gác cổng đang bồn chồn cầm khẩu súng lục, vớ một chai whiskey và một xô bia, rồi cả bọn nghỉ chân ăn uống dưới bóng cây ngoài trời. Alfred và Samuel nhún vai, họ đã quen với kiểu hành xử này của Tristan từ lâu. One Stab thích vị bia và whiskey nhưng ông lão chỉ súc miệng rồi nhổ toẹt xuống đất. Lão là người Cheyenne, nhưng đã sống ba chục năm trong hạt Cree và Blackfoot, và chỉ quyết say sưa khi nào trở về Lane Deer trước khi từ giã cõi đời. Ngụm nhổ của lão làm Samuel và Alfred cười phá lên, nhưng Tristan thì không, anh hiểu One Stab và quán quýt với lão từ năm anh lên ba, trong lúc Samuel và Alfred chẳng chú ý gì đến lão hết.

Tại Calgary, ba chàng trai được các tân binh đón mừng khác thường. Viên thiếu tá huấn luyện kỵ binh địa phương là người vùng Cornwall, đồng hương với đại tá Ludlow, cha của họ, thực ra ông thiếu tá đi thuyền buồm rời Falmouth cùng một năm với Ludlow, nhưng lại đến Halifax chứ không đến Baltimore. Thiếu tá rất bức mình vì Hoa Kỳ từ chối tham chiến, ông thấy rõ là chuyện đó sẽ mang lại hậu quả nặng nề và người ta sẽ phải chịu đựng hơn nhiều so với kiểu suy nghĩ lạc quan của người Canada cứ tưởng vua Đức và dân Đức bỏ chạy lúc dân bản xứ đổ bộ vào Bắc Mỹ. Nhưng hồi đó những lời khoác lác ngớ ngẩn như thế được binh lính coi trọng, họ là bia đỡ đạn hào phóng cho nền kinh tế thế giới và những mưu đồ chính trị. Trong một tháng huấn luyện trước khi đi tàu hỏa rồi lên tàu quân sự ở Quebec, Alfred nhanh chóng trở thành sĩ quan, Samuel thành sĩ quan phụ tá vì anh biết tiếng Đức thành thạo và biết

xem bản đồ. Còn Tristan thì do hay gây gỗ và say rượu, bị giáng xuống làm giám mã, song anh lại thực sự cảm thấy thoải mái. Bộ quần phục làm anh vương vít và những kỷ luật chặt chẽ làm anh buồn phát khóc. Nếu không vì có hiếu với cha và ý nghĩ Samuel cần được chăm nom, anh đã trốn khỏi doanh trại và lấy trộm một con ngựa, trở lại miền nam theo đường của One Stab.

Nơi hậu phương gần Choteau, William Ludlow (đại tá, kỹ sư cao cấp, quân nhân nghỉ hưu) đã trải qua nhiều đêm không ngủ. Vào buổi sớm các con trai ra đi, ông bị cảm lạnh và nằm liệt giường mất một tuần lễ, nhìn đăm đăm ra cửa sổ hướng bắc đợi One Stab mang tin về, dầu tin tức có mơ hồ và ít ỏi đến đâu chẳng nữa. Ông viết nhiều bức thư dài cho vợ đang trú đông ở Prides Crossing, phía bắc Boston, bà giữ ở đó một ngôi nhà ở quảng trường Louisberg dành cho những buổi tối đi xem nhạc kịch hoặc nghe giao hưởng. Bà yêu thích Montana từ tháng Năm đến tháng Chín, nhưng cũng ngang bằng thế, bà thích đáp tàu trở lại với những phép lịch sự của Boston, những địa chủ giàu có hồi ấy chưa có được thói quen của bà. Ngược lại với quan niệm sai lầm, những người chăn bò không bao giờ có trại riêng. Họ chẳng qua chỉ là người thạo việc, những chàng trai lập dị, suốt ngày lông bông, những người Cô-dắc hiểu súc vật còn tỏ tường hơn hiểu nhau. Một số trại chăn nuôi lớn nhất ở phía bắc miền trung Montana thực sự là của những nhà quý tộc Scottish và Anh thường xuyên vắng mặt. (Ngài George Gore là một người Irish thô lỗ, có dòng dõi quý tộc đáng ngờ, đã làm người da đỏ nổi điên lên vì việc giết một ngàn con nai sừng tấm và một số bò rừng tương đương trong một cuộc "giải trí" thể thao).

Nhưng Ludlow viết thư cho vợ trong một tâm trạng nuôi tiếc. Bà đã một mực giữ Samuel không cho ra trận. Một năm nay bà luôn giữ nếp ăn trưa ngày thứ Bảy ở Boston, trò chuyện với Samuel về một tuần qua đầy hứng thú của anh ở Harvard. Bà nuông chiều cậu con út, còn Alfred là người tẻ nhạt và ngăn nắp so với tuổi trẻ và Tristan lại bất trị. Hồi tháng Chín, một tháng sau sự kiện Sarajevo, bà cãi nhau với chồng rồi ba ngày sau bà khăn gói ra đi. Giờ đây Ludlow hiểu lẽ ra ông nên giữ Samuel lại và gửi anh đến Harvard dù chỉ để cho mẹ anh vui lòng. Bà đã đưa cô em họ xa Susannah trẻ trung từ

miền Đông về, với hy vọng Alfred sẽ có một cuộc hôn nhân tốt đẹp, nhưng thay vào đó cô lại hứa hôn với Tristan. Chuyện này làm cho Ludlow thích thú, ông ngấm ngấm che chở cho những hành vi bậy bạ của Tristan, dù sau bữa tiệc đính hôn Tristan đã hành động không thể tha thứ được, anh mất mặt suốt một tuần với One Stab để đuổi theo một con gấu xám đã xơi mất hai con ngựa.

Ludlow nằm dưới tấm chăn lông vịt xem cuốn vở dán các bài báo cắt ra của ông, tâm trí ông kích động hẳn lên vì hơi náo nức. Ông nhớ lại những ngày đầu óc ông đầy rẫy những ý nghĩ lãng mạn, một vũng bùn đặc quánh không sao dứt ra được. Dù đã sáu tư tuổi, sức khỏe và sự cường tráng của ông không hề suy giảm, song thân ông đã tám năm vẫn còn sống ở Cornwall, có nghĩa là ngoại trừ tai nạn, ông có khả năng sống lâu hơn ông muốn. Trong cuốn vở, ông đọc một bài thơ ngớ ngẩn ông viết hồi ở Vera Cruz và thích thú ghi chú rồi dán vào bài báo "Sự mất mặt của cá tuyết". Là kỹ sư mỏ, ông đã đi khắp nơi, từ Maine đến Vera Cruz, Tombstone ở Arizona và Mariposa, California, đến vùng có mỏ đồng ở Upper Peninsula của Michigan. Đến năm ba năm tuổi ông cưới con gái ông chủ ngân hàng đầu tư giàu có ở Massachusetts. Chẳng phải sự giàu có ấy đã ảnh hưởng đến việc lắp ghép ngớ ngẩn - mỗi tháng ông vẫn lĩnh khoảng năm trăm bảng ở mỏ bạc Vera Cruz, gần bốn ngàn đôla theo tỷ giá hồi ấy. Khoản tiền đó gửi đến một nhà băng ở Helena, và mỗi năm ông đến đây vài lần theo dõi khoản đầu tư của ông và điều khiển công việc ở Câu lạc bộ Cattleman. Cuộc hôn nhân của ông đã tàn lụi, dần dần biến từ sự nồng nàn trước đây thành sự tao nhã thờ ơ và kỳ quặc. Chuyến đi trắng mặt của họ đến châu Âu đã khai hoá cho họ một điều là ông không hề bận tâm nếu bà có kiếm một người tình lúc đi trú đông ở Boston, thường là trẻ hơn bà nhiều. Cuộc tình gây nhiều xôn xao mới nhất của bà là một sinh viên Harvard, John Reed, sau này thành một tay Bôn-sê-vích nổi tiếng và chết ở Moscow vì bệnh sốt *Rickettsia*. Giống nhiều người giàu có của thời đại theo thuyết bình quyền, bà quan tâm đến nhiều thứ, sôi nổi và nguy hiểm. Sau khi đặt tên cho đứa con trai đầu lòng rất đúng nghi thức theo tên ông nội, đứa con trai thứ hai mang tên "Tristan" trong cơn bốc đồng của bà, nhặt từ một truyền thuyết thời Trung cổ trong những

năm bà học ở Wellesley. Là người khá điển hình, bà là người phụ nữ đầu tiên chơi polo⁽⁷⁾, ngang tài ngang sức với những tay kỵ sĩ nam giới hưởng lạc, coi thể giới như cái chuồng ngựa của họ. Ngay ở độ tuổi năm mươi bà vẫn đẹp, một vẻ đẹp trái lẽ tự nhiên, tuy thân hình bà trước kia mảnh dẻ đang trên đà đầy đặn. Bà ra sức biến Samuel thành một nghệ sĩ, nhưng anh thừa hưởng thiên hướng khoa học của cha và lang thang khắp nông trại với những cuốn cẩm nang, chăm chỉ sửa những điều không đúng từ thời Victoria.

Lần đầu tiên kể từ ngày các con ra đi, Ludlow xuống ăn tối và thất vọng thấy chỉ có một bộ dao đĩa đặt ở đầu bàn ăn, lạnh lẽo đến mức ngọn lửa đang reo phàn phật trong lò sưởi cũng không làm ông thấy ấm lên chút nào. Roscoe Decker, quản lý của ông đang ngồi uống cà phê với cô vợ có biệt danh là Pet, một người Cree⁽⁸⁾ đẹp nổi tiếng, đã được bà Ludlow dạy nấu ăn rất ngon từ vài năm nay, theo một cuốn sách dạy nấu ăn cổ của Pháp tên là Ali Bad. Decker (không ai gọi anh ta là Roscoe, cái tên mà anh ta rất ghét) trạc bốn mươi tuổi, có đôi chân mảnh dẻ của một kỹ thuật sĩ nhưng bộ ngực và cánh tay vạm vỡ vì đã đào hố chôn cọc hàng rào suốt thời trai trẻ.

Ludlow bảo ông thấy cô đơn và nói oang oang lên rằng liệu họ có thể ăn tối cùng nhau trong phòng ăn hay không. Pet rót cho ông một tách cà phê và lắc đầu từ chối. Decker nhìn lảng đi. Ludlow cảm thấy đỏ mặt khi nghĩ rằng nếu ông ra lệnh cho họ ăn cùng ông từ mười năm nay, họ sẽ không có thái độ cách biệt như thế. Vì vậy Ludlow và Decker uống cà phê trong mùi thơm nồng nàn của thịt hươu hầm rượu táo theo kiểu Normandy mà Pet đang nấu trên bếp lửa. Decker định nói chuyện về gia súc, nhưng Ludlow nhìn chăm chăm vào khoảng không, không chịu nghe vì giận dữ. Ông quan sát Isabel, đứa con gái lên chín của Decker, đặt theo tên vợ ông, đang xách thứ gì đó đi qua sân. Cô bé đi qua cái lều để máy bơm rồi vào cửa bếp, té ra thứ đó là một con lửng khoảng vài tuần tuổi mà Tristan đã cho nó. Pet bảo nó mang con vật ra ngoài nhưng Ludlow ngắt lời vì tò mò. Con lửng có vẻ yếu, Ludlow bảo đun nóng sữa và lấy ít thịt hầm nghiền nhuyễn. Pet nhún vai và bắt đầu nhồi bột làm bánh quy trong lúc Ludlow hâm nóng sữa, còn Decker xem xét con

vật. Họ tìm được một bình sữa có cả núm cao su trong phòng để đồ ăn và Isabel vừa cầm bình vừa đu đưa con lửng mút ngấu nghiến. Lúc này Ludlow thấy vui, ông lấy một chai *Armagnac*, rót ra cốc cho ông và Decker thêm vào cà phê. Isabel không được đi học vì là con lai, nên Ludlow cam kết từ sáng mai, đúng tám giờ ông sẽ dạy cô bé.

Không khí nhẹ nhõm hẳn đi, đến mức Ludlow xuống hầm rượu lấy một chai vang đỏ loại ngon cho hợp với bữa ăn. Đã nhiều năm ông dừng dưng với sở thích vang ngon cho vợ, rồi dần dần thay đổi ý kiến, ông đọc một cuốn sách viết về rượu vang và thành người say sưa đến mức hầm rượu của ông đầy chật, một phần vì đường xe lửa từ Bắc Thái Bình Dương đến San Francisco bị tắc và ông phải mua lén của một nhân viên hỏa xa. Trong lúc ở hầm rượu, ông đã giải quyết được sự vướng mắc: tất cả bọn họ sẽ ăn trong bếp gồm cả One Stab khi nào ông lão trở về.

Bằng cách ấy, ông hy vọng sự vắng mặt của các con sẽ không đến nỗi gây ra nỗi đau rất buốt và hiển nhiên như thế nữa. Ông phân tích việc đó khi trở lại nhà bếp, như một cách ước lượng nhiên liệu tự nhiên cho mùa đông. Sẽ đóng cửa phòng ăn. Gia đình Decker sẽ dọn đến ở phòng dành cho khách và sẽ cho ba người ở nông trại đến ở nhà của Decker. Tất cả đều biết ông lão One Stab sẽ không dọn khỏi căn lều của lão trừ phi có Isabel khi bà ốm ba ngày liền và One Stab xin trở một vài nghi thức hành lễ bí mật. Ludlow biết One Stab có một túi đựng đầy các mảnh da đầu không chỉ của một số ít người Cô-dắc, song ông ngấm ngấm chấp thuận.

Sau bữa tối, họ chơi bài pinooc suốt buổi với Pet, và Isabel thắng số vang và *brandy* mà Ludlow và Decker đã uống. Ludlow tuyên bố ngày mai Decker phải dọn nhà và họ sẽ đưa chó đi ăn gà gô trắng. Decker nói anh ta hy vọng mấy ngày nữa lão One Stab sẽ về. Pet dọn bánh putđinh bằng mận chín ở vườn nhà và Isabel ngủ thiếp trong ghế bành, con lửng to hó mắt từ tấm chăn trên lòng cô bé. Đến nửa đêm Ludlow đi ngủ với cảm giác bình yên, ấm áp, rằng thế giới này quả là một nơi tốt đẹp, chiến tranh sẽ sớm kết thúc, và ngày mai ông với Decker sẽ có một cuộc đi săn thú vị. Ông đọc lời cầu

nguyện ban đêm và cầu nguyện cho cả One Stab, một kẻ ngoại đạo trở như đá vững như đồng trước ảnh hưởng của họ.

Ông thức giấc lúc hơn ba giờ một chút, và mồ hôi sau một giấc mơ làm ông run bắn người đến nửa giờ sau. Trong mơ, ông nhìn thấy các con trai ông chết trận, còn ông đứng bơ vơ trên một triền đồi cô độc; rồi lúc nhìn xuống ông nhận thấy ông đi đôi xà cạp bằng da nai thực ra là của One Stab. Ông bắn khoăn lúc chằm tẩu thuốc và ngắm những cái bóng chập chờn trên vách của cây đèn dầu hỏa, nghĩ đến một giấc mơ còn sâu thẳm hơn, vì năm 1874 lúc ông đang hạ trại ở Short-Pine Hills và One Stab đến, khá tình cờ nói rằng Sitting Bull cùng năm ngàn chiến sĩ da đỏ từ sông Tongue đang trên đường về phía nam đến chỗ họ. Thế là họ phi ngựa cả ngày lẫn đêm suốt ba ngày để thoát cái bẫy, một số người phải buộc chặt mình vào yên ngựa vì quá kiệt sức.

Ludlow quần chặt thêm tấm áo choàng và ra khỏi phòng, xuống hành lang và ngó vào phòng Alfred trước tiên, căn phòng có nhiều thứ đồ chơi uỷ mị, những quả tạ, sách dạy cách tự lực, rồi đến phòng Samuel bừa bãi những kính hiển vi, những con thú nhồi gồm một con chồn gulô đang nhe răng, những tiêu bản thực vật, một mảnh củi rêu vớt dưới sông từ hồi anh còn niên thiếu giống hình một con chim ưng đang giạt mình. Ludlow không vào phòng của Tristan, ông nhớ là nó trụi và không tô điểm gì, một đôi dép da hươu trên sàn, trên giường có một tấm da lửng phủ gối là da con vật cưng của Tristan hồi lên mười, Ludlow đã bắn chết nó khi nó cắn chết con chó nhỏ của vợ ông làm bà lên cơn thần kinh. Ngày thường là con vật hung hăng nhất, con thú cưng này ngồi trên lưng ngựa cùng Tristan, vắt vẻo trên quả táo ở yên ngựa và xì xì với tất cả những ai đến gần trừ Tristan. Ludlow cúi người soi cây đèn lên trên cái hòm. Ông cảm thấy mình như một lão già rình rập, nhưng không cưỡng lại được sự tò mò. Bên trong cái hòm, ánh đèn chiếu lấp lánh lên những bánh xe của bộ đỉnh thúc ngựa Tây Ban Nha mà Ludlow cho Tristan trong dịp sinh nhật lần thứ mười hai. Có một ít đạn của khẩu súng trường săn bò rừng Sharps, một khẩu súng ngắn han rỉ không rõ nguồn gốc, một hộp đá lửa hình mũi tên và một chuỗi hạt đeo cổ bằng vuốt gấu, rõ ràng là quà tặng của One Stab, người mà Ludlow luôn cảm thấy

là cha cậu bé hơn cả ông. Ở đáy hòm, Ludlow sửng sốt tìm thấy cuốn sách của ông do Cục ấn loát Nhà nước in năm 1875 gói trong tấm da linh dương chưa thuộc, với nét chữ ngoằn ngoèo của trẻ con viết ở mặt trong bìa sách "cha tôi đã viết cuốn sách này".

Ông đứng sửng, chiếc đèn lồng lắc lư dữ dội trong tay. Ông không mở quyển sách này đã ba thập kỷ, do tiếc những khuyến cáo của ông về mỏ Sioux không được chấp thuận, thậm chí còn bị khinh miệt, sau đó ông từ chức rồi bỏ đi Vera Cruz. Ông nhận thấy Tristan gạch dưới và chú thích nhiều trang; ông lấy làm lạ là một cậu bé dốt nát và cứng đầu cứng cổ như thế lại làm được một việc mà ông cho là có tính kỹ thuật. Ông mang quyển sách về phòng và rót một cốc *whiskey* Canada trong cái hũ vẫn giấu dưới gầm giường dành cho những khi mất ngủ.

Bản thân tên cuốn sách đã nhạt nhẽo nếu người ta thờ ơ với những trớ trêu của lịch sử "*Báo cáo về cuộc khảo sát Balck Hills ở Dakota*, lập vào mùa hè năm 1874 của William Ludlow, Kỹ sư trưởng kíp, hàm đại tá (vẫn ăn lương trung tá) quân đội Mỹ, Tổng công trình sư của Dakota". Là một nhà khoa học hoặc được người thời đó coi là nhà khoa học, ông đã tham gia Đội kỵ binh thứ Bảy dưới quyền chỉ huy của viên sĩ quan có cấp bậc là trung tá George Armstrong Custer. Ludlow với bản tính trầm lặng của người Cornwall, căm ghét Custer và kết bạn với nhóm kỹ thuật gồm George Bird Grinnell của Đại học Yale, một người vui tính. Mỗi khi Custer đặc biệt lo lắng hoặc tức giận, ông ta thường nhái giọng Anh của Ludlow, hành động đó của một sĩ quan là không thể tha thứ được. Ba năm sau, năm 1877, Ludlow đã lẳng lặng làm lễ kỷ niệm khi nghe tin về cái chết của Custer ở Little Bighorn. Những khuyến cáo của ông trong phần kết của bản báo cáo rất ngắn gọn và thẳng thắn. Sau khi liệt kê những thuận lợi hiển nhiên của vùng này, kể cả việc bảo vệ nó chống lại cái nóng như thiêu và những cơn dông bão rét mướt của vùng đồng cỏ lân cận, Ludlow khuyên:

Tuy nhiên về mặt này, giải pháp cuối cùng với người da đỏ là biện pháp sơ bộ không thể thiếu được. Vùng này được các chủ nhân gìn giữ như những khu săn bắn và nơi ở. Nhìn xa hơn, lường trước được thời kỳ săn bò rừng, hiện đang là sinh kế chính của các bộ lạc hoang

dã, đến giai đoạn cuối cùng sẽ không đủ thứ mà săn bắn nữa, phải đợi vào việc định cư trong và quanh vùng Black Hills là nơi ở cố định trong tương lai của họ, nếu không thì bị tiêu diệt dần là số phận của họ... Người da đỏ không có lãnh địa xa hơn về phía tây để di cư.

Ông nhấp một ngụm lớn whiskey, chú ý đến nét chữ nguệch ngoạc của Tristan hơn là đến sự căm ghét độc địa và những mảnh khoé nguy hiểm của chính phủ, đã làm ông gần thành người ần dật. Ông nhớ rõ dịch châu chấu mà Tristan thấy thích thú:

Một buổi sáng, tôi đếm được hai trăm con trên diện tích ba chục centimét vuông mặt đất. Một phép tính đơn giản trên một triệu mẫu Anh... có thể hình dung mức độ tàn phá rau màu của chúng quá ư khủng khiếp. Khả năng những chuyến bay dài của chúng thật tuyệt vời... hình như chúng có thể bay suốt ngày, thường bay theo chiều gió, đặc cả không gian trên tầm cao rộng mênh mông... những đôi cánh phản xạ làm chúng giống như những túm bông bay lững lờ trong gió... lúc hạ xuống trong những tia mặt trời xiên xéo, chúng giống như một dòng thác những bông tuyết khổng lồ.

Ludlow nhớ lại Custer có kiểu nói thất thường với đội quân, mớ tóc vàng hoe của ông ta bị những con châu chấu bám dai dẳng. Ông đọc tiếp, nhìn chăm chú vào những phần Tristan gạch dưới, đoạn viết về mặt trắng đỏ bầm như thiêu cháy quang cảnh màu be, Tristan ghi thêm:

"Tôi đã nhìn thấy hiện tượng này. Lúc đó với Stab, ông không ám chỉ đến lửa trại". Tuy vậy, đoạn ám ảnh nhất là miêu tả về những cái sọ bò rừng mà Ludlow nhận ra ngay sự mê tín trong vũ điệu ma quỷ của One Stab và niềm say mê trẻ con của Tristan: "Một người đàn ông bắn một con bò rừng và không ăn hết, bèn làm lều hoặc giường bằng da để bản thân mình không bị bắn, kể cả xương tuỷ mà Stab nói phục hồi được toàn bộ sức khoẻ con người". Ludlow nhớ lại những cái sọ và ánh sáng trên những cái lông chim ửng bay bên dưới con ngựa của ông đang đuổi theo con chim bồ câu bắt hạnh. "Mới có một ít năm kể từ khi chúng ta tấn công các khu đất nuôi bò rừng rất thích hợp, những cái sọ trắng hếu của chúng rải rác trên các đồng cỏ ở khắp mọi nơi, mọi phía. Thịnh thoảng dân da đỏ thu nhặt và xếp chúng trên mặt đất theo những hình kỳ quái. Tôi đã chú

ý đến một trong những bộ sưu tập đó, những cái sọc sọc các đường sọc, các vòng tròn màu đỏ và xanh lơ, xếp thành năm hàng song song, mỗi hàng có mười hai cái, tất cả đều quay về hướng Đông".

Ông uống xong và gà gà ngủ, không tắt đèn vì sợ giấc mơ trở lại với bao nghi ngờ tai hại nhuộm màu hoang dã và sự tận số đầy kịch tính. Ludlow không ngu để cố sắp xếp cuộc sống đã qua, nhưng ông hiểu một cách đơn giản rằng cuộc đời thứ hai của ông thông qua các con trai không dễ sai khiến, với Alfred và Samuel thì không đến nỗi nào, chúng là người mộc mạc, nhưng với Tristan lại khác. Ludlow sẽ áp ủ, ít ra là tạm thời, bất kỳ một ý niệm khoa học nào liên quan đến sự đột biến và quan niệm phổ biến thời ấy là tính cách thường nhảy cách một thế hệ. Cha của Ludlow là thuyền trưởng thuyền buồm, đã tám mươi tư tuổi vẫn mãnh liệt và hấp dẫn, vẫn như con người họ đã thấy từ nhiều năm trước. Những chuyến đi lang thang của một người chế ngự thiên nhiên đã để ra nhiều câu chuyện như nhìn thấy một con mực khổng lồ đánh nhau dưới ánh trăng trong biển động Humboldt ngoài khơi của Peru, hoặc vì sao người ta không bao giờ đi vòng quanh Vịnh trong sức gió bảy mươi dặm một giờ. Có năm, quà tặng Giáng sinh cho Ludlow là một cái đầu teo quắt ở đảo Java và năm sau là một pho tượng Phật bằng vàng của Xiêm và một chuỗi liên tiếp những mẫu quặng từ khắp nơi trên thế giới. Có lẽ Tristan trong đột biến về di truyền đã trở thành cha của ông và giống như Cain⁽⁹⁾, dưới vẻ bề ngoài cố ý vô ơn, không bao giờ chịu nghe mệnh lệnh của bất cứ ai, tự làm nên số phận mình bằng những hành động cá nhân đến mức không ai trong gia đình đoán biết. Mười bốn tuổi, Tristan bỏ học và đi đánh bắt linh miêu đủ tiền mua bất cứ thứ gì, ngoài những tấm da may áo khoác và gửi đi Boston làm bà mẹ sống sờ. Sau đó anh mượn khẩu súng săn Purdey của Ludlow và biến mất, ba tháng sau trở lại nông trại với một túi tiền đã thắng trong môn tung đĩa đất sét để bắn ở các câu lạc bộ thể thao. Anh tiêu hết sạch số tiền, mua yên ngựa và súng trường mới cho One Stab, một cái kính hiển vi cho Samuel và cho Alfred một chuyến đi San Francisco. Cả nhà được nhờ vì quá nhiều tiền, nhưng Tristan có những quan hệ riêng. Quận trưởng cảnh sát ở Helena đã viết thư báo Tristan đàm đúm với các gái điếm

trạc mười lăm tuổi, làm mẹ anh lên cơn thần kinh và Ludlow buộc phải giảng giải cho Tristan rằng anh sẽ suy đồi khi quá tò mò, dù lũ gái điếm có hấp dẫn đến đâu chẳng nữa. Hai tháng một lần, Ludlow có những chuyến viếng thăm Helena riêng, thường là vài đêm với một cô giáo ông lén lút quyến rũ từ mười năm nay. Ông thích trích dẫn câu của Teddy Roosevelt, với mấy ông bạn nói khó ở câu lạc bộ Cattleman: "Tôi thích uống ly rượu vang cuộc đời có pha *brandy*", rồi sau đó ông lại cảm thấy thật ngu xuẩn vì đã dùng mọi đòn phép khôn khéo như một kẻ lừa dối. Nhưng lúc này Tristan đã ở ngoài tầm ảnh hưởng của ông và ông biết ít có dịp nghe về anh cũng như họ chẳng bao giờ nghe tin gì về phụ thân ông. Vài năm trước, cụ bị mắc cạn ở Orkneys và Ludlow đã thu xếp tậu cho cụ một con thuyền khác song cụ chẳng cảm ơn mấy tí, chỉ nhận xét:

– Con yêu quý ạ, ta chỉ mong gia đình con yên ổn. Hãy cho các cháu trai của ta ra ngoài dày dạn cho quen. Phải gió cái số tiền của con! Con sẽ nhận lại đủ từng xu.

Rồi từ nhiều nơi khác nhau ở Hy Lạp hoặc Dakar, một số tiền nhỏ cứ đều đặn gửi đến ngân hàng của Ludlow ở Helena. Mất ông mờ đi vì buồn ngủ, ông biết phải viết thư cho Susannah, vị hôn thê của Tristan, xem cô có nhận được tin gì không. Susannah xinh đẹp, mỏng manh và thông minh lạ thường.

Ludlow dậy muộn và ngượng nghịu khi biết Decker đã chuẩn bị sẵn sàng để đi săn từ nhiều giờ rồi. Ông nhìn ra cửa sổ và thấy lũ chó săn lông xù màu vàng nhạt của ông đang ngủ tít trên bãi cỏ, hưởng ánh nắng mặt trời xuyên qua lá cây bạch dương. Chúng là những con chó cừ, một người bạn hàng năm đến săn bắn đã gửi chúng từ Devonshire cho ông.

Đến trưa họ đã bắt được một xâu bảy con gà gô, cả hai người và lũ chó đều mệt phờ vì cái nóng hiếm hoi cuối tháng Mười, dù chân trời phương Bắc tối sầm sầm và họ biết tuyết có thể rơi vào lúc sẩm tối, đúng kiểu khí hậu thất thường của Montana. Trong lúc quay hai con gà gô, Decker đề xuất mùa xuân sang năm họ nên mua một ngàn con bê vì chiến tranh làm giá thịt bò sẽ tăng. Anh ta cũng cần thêm hai người giúp việc mới thế chỗ Tristan và Pet có mấy người anh em họ ở gần Fort Benton, một người lai đen, nếu Ludlow không ngại vì

họ đều lạnh lùng tay chân bò cừ khôi. Ludlow ném mấy quả tim và gan cho chó, và đồng ý tất tậ những gì Decker đề nghị, thậm nghĩ vụ vợ không biết cái anh chàng Creel làiden trông ra sao. Chắc là xấu xí dị thường. Ông vừa gà gà ngủ trong nắng vừa ngửi mùi da gà nướng giòn trên than. Decker nhận ra One Stab trên sườn đồi đầy những cây hoàng dương ở hẻm núi phía xa, và biết ông lão sẽ không xuống gần trưa theo phép tắc, vì họ chỉ nướng hai con gà. Chính lão One Stab đã đưa Decker từ Zortman đến với Ludlow, và ông nhận Decker dù biết chắc hẳn anh ta đang chạy trốn một tội ác nào đó. Ông yêu thích cái triền đồi đầy cây hoàng dương và định sẽ săn dật ở đây, gần nơi một dòng suối nhỏ chảy từ thành hẻm núi. Ông có thể mua năm vạn hecta đất với giá rất hạ vì những mối quan hệ trong ngành mỏ của ông, như vậy cũng chẳng có gì quá lớn so với nông trại trong vùng, và chắc chắn rằng mảnh đất này chẳng có giá trị gì về quặng. Tuy vậy nơi đó có nhiều nước, nông trại của ông có thể chăn nuôi gia súc ngang tầm với các nông trại khác có quy mô gấp ba, dù Ludlow giới hạn con số một cách khắt khe vì ông không tham và không muốn xảy ra lắm chuyện rắc rối vì quá đông người. Hơn nữa, nếu gia súc ăn cỏ trên đồi, chim chóc sẽ bỏ đi. Đàn chó đánh hơi thấy One Stab lúc ông lão xuống triền đồi và vẫy đuôi rồi rít. Ông già đã uống một ngụm trong chai rượu của Decker và nhổ vào lửa làm ngọn lửa bùng lên. Decker luôn vui thích thấy One Stab nói bằng giọng nặng kiểu Anh của Ludlow.

Khuya đêm ấy, mùa đông đến. Ngày hôm sau, một bức thư giận dữ, cầu khẩn của vợ ông nài nỉ ông dùng ảnh hưởng của mình xin cho Samuel xuất ngũ. Ông ngủ mà bực bội vì Alfred đã báo tin từ Calgary rằng mọi sự suôn sẻ. Nhưng nhân danh Chúa, cái gì đã buộc các con trai ông phải bảo vệ nước Anh, đất nước chúng chưa bao giờ nhìn thấy và chính cảm giác phiêu lưu sai trái của ông đã đẩy chúng ra đi mà không nghĩ đến tình cảm của vợ. Từ cuối mùa thu đến tận tháng Giêng, những bức thư đầy kích động của thời tiền mãn kinh gửi đến liên tiếp, vượt quá sức chịu đựng của Ludlow, ông luôn có những linh cảm u ám nên không bóc thư nữa. Ông bỏ cách chuyển đi Helena trước dịp Giáng sinh và thiếu cơn bốc đồng của mỗi tình lãng mạn, ông đọc sách và suy nghĩ, ngoài việc sáng sáng

ông bỏ ra vài giờ dạy cô bé Isabel đọc và viết. Ông cử Decker đi Helena mua các đồ cần thiết và quà, rồi sau khi anh ta đi được một ngày, một cảnh sát trưởng Mỹ đến hỏi thăm xem ông có biết tên Jon Thronburg bị truy nã từ mấy năm trước vì tội cướp nhà băng ở St.Cloud, Minnesota ở đâu không, nghe đồn hắn đang ở vùng này. Ludlow tỏ ra sững sốt trước tấm ảnh Decker hỏi trẻ và đáp người này quả thật có qua đây từ ba năm trước trên đường đi San Francisco để lên tàu đi Australia. Viên cảnh sát trưởng gật đầu một cái, ăn một bữa thịnh soạn rồi lúc nhá nhem tối lên ngựa đi Choteau.

Ludlow đợi một giờ, phòng khi cảnh sát trưởng rình, rồi phái lão One Stab đi Helena báo cho Decker tránh mọi thị trấn, đường cái và về ngay lập tức. Mọi sự xem ra có vẻ tồi tệ. Vì lo đến, ông bắt gặp Pet đang phơi mình cho khô sau khi tắm càn để lại cho ông cảm giác yếu đuối, nặng nề và ngọt ngào. Ông sẽ rất vui nếu hiến cả nông trại mà được một đứa con trở về.

Ở Boston, Isabel giao du thân thiết với một ca sĩ Italy hát giọng nam trầm. Anh ta không biết tiếng Anh nên chuyện tình của họ chỉ có hướng dẫn viên du lịch người Italy biết. Họ nằm trong một chiếc ghế dài phô trương kiểu phương Đông trước lò sưởi, đầu anh ta gối lên ngực bà, anh ta nói chuyện về nhạc kịch, về Florence, hy vọng sẽ nhìn thấy dân da đỏ trong chuyến lưu diễn ở San Francisco và Los Angeles. Còn bà, thực ra đã chán anh ta: cách làm tình ngắn ngủi, vất vả của anh ta không hợp với bà, vốn là người khá vật chất chứ không như những người tình của bà tưởng. Bà đã mơ một giấc khó chịu về Tristan, và mái đầu của người tình trên ngực gợi bà nhớ đến đứa con trai lúc bị viêm phổi, bà đã ôm ấp và đọc truyện cho nó đúng tư thế này. Sự gần gũi đó đã bị xé nát không cứu vãn nổi trong mùa thu Tristan mười hai tuổi, khi bà quyết định đi Boston tránh rét. Cậu bé nồng nhiệt đã làm bà khổ sở biết bao, suốt mùa đông cậu viết thư cho bà rằng ngày nào cậu cũng cầu nguyện để bà về nhà vào lễ Giáng sinh, và khi bà không về vào dịp đó, Tristan đã nguyện rửa Chúa Trời và trở thành một kẻ vô thần kiên định. Đến mùa xuân khi bà trở về, cậu lạnh lùng và xa cách đến mức bà than phiền với Ludlow, song ông không thể cậy rằng Tristan một lời về mẹ. Bà giả

vờ ồm khi các con đến phòng hôn bà chúc ngủ ngon, bà giữ Tristan lại, kéo cậu vào lòng một lát và trong cơn uỷ mị dữ dội bà khóc lóc, dùng đủ mọi cách để dụ dỗ. Tristan nói với mẹ rằng cậu sẽ yêu mẹ mãi mãi, nhưng cậu không thể tin vào Chúa Trời vì đã nguyên rủa Người.

Ngón đòn thăm dò đầu tiên đến với cha mẹ, riêng rẽ từng người một vào cuối tháng Giêng, khi họ nhận được tin Alfred vốn chưa bao giờ là một kỵ sĩ giỏi, đã bị vỡ đầu gối và đau lưng khi bị ngã ngựa gần Ypres. Tuy vậy, tiên lượng ở bệnh viện dã chiến là tốt và mọi người hy vọng đến tháng Năm có thể gặp anh. Viên thiếu tá ở Calgary gửi lời chia buồn đặc biệt đến Ludlow. Alfred là một sỹ quan trẻ ưu tú và tai nạn của anh thật nghiêm trọng. Thật không may là tính liều lĩnh của Tristan đã làm giảm hiệu quả lòng dũng cảm của anh, nhưng thiếu tá cho rằng anh sẽ chín chắn hơn nơi trận mạc. Samuel đã tỏ ra có năng lực tuyệt vời và thiếu tá sợ mất anh sẽ là một tổn thất chung vì anh là một chàng trai vàng mà tất cả các sỹ quan đều biết tiếng. Ludlow đọc hết những dòng chữ, mãi mới hiểu được Tristan phải đi bầm rơm rạ vì bị kỷ luật quân đội. Ông cảm thấy có lỗi trong giây lát vì đã ước mong hoặc Samuel hoặc Tristan trở về vào mùa xuân hơn là Alfred. Tại Pháp, lính Canada đóng quân giữa Neuve-Chapelle và St.Omer. Hầy còn trong giai đoạn đầu và lạc quan của cuộc chiến, họ vẫn bị quân đồng minh Anh coi là hơi lung tung và vụng về, đặc biệt là các sỹ quan trẻ ở Sandhurst, cộc lốc và hăng hái khá điển hình, họ coi chiến tranh là một phần trong sự nghiệp quân sự lấy lòng của riêng họ. Sự vô lý đặc tính Giécmanh ấy không bao giờ có giới hạn đối với người Đức. Nhưng không ai chê trách người Canada về sự hung hăng trên chiến trường - nếu có chuyện gì chỉ là do họ dũng cảm hơi quá mức.

Tristan ở chung lều với những tên lưu manh tồi tệ nhất trong hội bạn bè của anh. Alfred bối rối khi Tristan đến thăm anh ở bệnh viện dã chiến, tác phong ngênh ngang và ăn mặc nhếch nhác, ủng dính đầy phân bón. Tristan mang lên một chai vang đến, nhưng Alfred từ chối. Một trong những sỹ quan bạn Alfred đến thăm và Tristan không chào, cứ ngồi uống tì tì hết chai vang rồi bỏ đi chẳng nói lời tạm biệt, trừ lúc nói với Alfred bảo One Stab đưa con ngựa yêu của anh đi

nếu anh không trở về. Bên ngoài lều bệnh viện, đám bạn Tristan gồm một anh chàng to lớn người Pháp tên là Noel, một người chuyên đánh bắt súc vật người Columbia thuộc Anh đang đợi, chán nản nhìn trời mưa. Tin Samuel và thiếu tá hy sinh vừa bay đến trại. Họ đi trinh sát ngược lên Calais với một nhóm trinh sát và bị dính khí mù tạt⁽¹⁰⁾, sau đó bị súng máy tạt ngang sườn lúc họ đi lang thang, tê liệt trong một trảng cây dẻ. Tristan đứng đó, bàng hoàng trong mưa và bùn, đám bạn ôm lấy anh buồn bã. Người trinh sát sống sót duy nhất trở về kể chuyện và lúc này đang bị thẩm vấn. Anh ta ra khỏi lều của họ để gặp viên sĩ quan trong đoàn tùy tùng. Họ chạy lao ra bãi nhốt và cấp tốc đóng yên ba con ngựa. Viên sĩ quan ra lệnh dừng lại, nhưng họ gạt anh ta sang một bên và phi nước đại lên phía bắc Calais, đến khu rừng lúc nửa đêm. Họ ngồi lặng ngắt, không đốt lửa suốt đêm và trong làn tuyết rơi lất phất lúc rạng đông, họ bò trong tuyết, gạt tuyết khỏi hàng chục bộ mặt người chết cho đến lúc Tristan tìm thấy Samuel, anh hôn và nước mắt anh đầm đìa khuôn mặt em trai: mặt Samuel xám và không có vết gì, nhưng bụng anh bị xé nát văng khỏi khung sườn. Tristan lấy dao găm cắt quả tim Samuel và họ phi ngựa về trại, Noel đun chảy nến, họ bọc tim Samuel bằng nến rồi đặt vào một hộp đạn nhỏ để chôn ở Montana. Một sĩ quan ngăn lại nhưng vội bỏ đi ngay không nói lời nào vì biết sẽ bị bóp cổ nếu can thiệp. Làm xong, Tristan và Noel uống hết một ít *brandy* trong đồng chiến lợi phẩm lấy ở một nông trại rồi Tristan ra khỏi lều, réo Chúa Trời khốn khiếp lên mà chửi cho đến lúc Noel làm anh dịu lại và ngủ thiếp đi.

Đến sáng Tristan thức giấc và từ chối thẳng cánh sự thương xót của Alfred khi một người đưa tin đưa anh đến lều quân y. Anh viết một bức thư ngắn và nhét vào trong hộp đạn: "Cha kính yêu, đây là tất cả những gì của Samuel yêu quý mà con có thể gửi về nhà. Tim con tan nát, và chắc cha cũng sẽ như thế. Alfred sẽ mang nó về. Cha đã biết nơi chôn, gần dòng suối ở hẻm núi, nơi cha con ta đã tìm ra đàn cừu sừng xoắn. Tristan, con trai của cha".

Sau đó Tristan như phát rồ và chỉ có vài cựu chiến binh già ở mãi tận Canada mới làm anh nhớ đến sự báo thù, họ nhắc anh đã bị bắt và giam giữ trước khi đáng bị thế. Lần đầu tiên với sự nghiêm túc

mới mẻ như những người lính, Tristan và Noel tình nguyện nhận nhiệm vụ trinh sát ban đêm. Hết ba đêm, đã có bảy mảnh da đầu tóc vàng hoe treo cao thấp khác nhau để phơi khô trên nóc lều của họ. Đến đêm thứ tư, Noel bị tử thương, giữa buổi sáng Tristan về lều, Noel nằm vắt trên yên ngựa. Anh phi qua đám đông lính tráng đến lều mình, đặt Noel lên giường rồi rót *brandy* vào cổ họng đã hết sinh khí của bạn. Anh hát một bài chữa bệnh của người Cheyenne mà One Stab đã dạy anh, và một tốp lính tụ tập quanh lều. Alfred được khiêng lên cáng, có một sĩ quan oai vệ đi kèm đến để thuyết phục Tristan. Lúc họ mở cửa lều, Tristan đã xâu các mảnh da đầu thành chuỗi và đặt con dao găm cùng khẩu súng trường ngang ngực Noel. Họ quần anh vào chiếc áo choàng điên và gửi đến một bệnh viện ở Paris, chỉ trong vòng một tuần anh đã trốn mất.

Viên bác sĩ chữa trị cho Tristan ở Paris là một thanh niên Canada ở Hamilton, bị giao phụ trách phòng bệnh tâm thần vì thiếu người. Trong nghiên cứu sau đại học của anh ta ở Sorbonne, anh ta đã học được chút ít khoa học mới mẻ về hành vi, nhưng học được rất ít cách chữa trị các nạn nhân bị choáng và bất hạnh. Lúc đầu, tuổi trẻ và tính hay giễu cợt của người Paris làm anh ta tin rằng đàn ông chỉ là những kẻ nhát gan, nhưng cách cư xử kỳ quặc của họ sớm làm anh ta tỉnh ngộ. Họ là những gã xác xược bị chấn thương, ban đêm không kêu khóc gọi mẹ thì lại rút vào im lặng vĩnh viễn và không sao an ủi nổi. Bác sĩ đã ngờ vực khả năng của mình trong việc hàn gắn tâm hồn họ đến mức anh ta gần như chán ghét bệnh nhân và làm mọi thứ có thể để họ được lên tàu về nhà. Vì thế anh ta mê mẩn khi Tristan đến, lúc người lái xe cứu thương khuyên anh ta đây là một kẻ "điên" thực sự đang đợi tổng khứ. Bác sĩ đuổi những người đi theo và đọc biên bản của sĩ quan chỉ huy Tristan. Anh bình thản xách những mảnh da đầu và ngạc nhiên vì sự kinh hoàng của viên sĩ quan. Vì sao khí mù tạc bị coi là chiến tranh mà không phải là việc lột da đầu để trả thù cho cái chết của em trai? Tất cả các bác sĩ đã chuẩn bị cho những biến chứng của khí mù tạc được dùng trong thời gian đầu của cuộc chiến tranh hiện đại. Bác sĩ đã nghiên cứu một số tác phẩm kinh điển ở Oxford và tự thấy mình hiểu về chủ đề báo thù. Anh ta bảo đưa Tristan vào phòng làm việc, xin lỗi những

người đi kèm rồi giải thoát người đàn ông khỏi cái áo choàng điên, và được "Cảm ơn" lịch sự, và "Tôi có thể uống chút gì không?". Bác sĩ cho Tristan mượn một bộ đồng phục rồi họ đi qua rừng Boulogne đến một tiệm cà phê nhỏ, họ im lặng và ăn uống. Cuối cùng, bác sĩ nói anh đã hiểu chuyện xảy ra và không cần nói đến làm gì. Thật đáng tiếc nếu mất một số tháng mới giải quyết cho Tristan xuất ngũ và cho anh về nhà, nhưng viên bác sĩ hứa sẽ cố hết sức làm cho khoảng thời gian ở lại của Tristan dễ chịu.

Mấy tuần sau, tin tức mới đến Montana. Một chiều cuối tháng Hai, lạnh giá nhưng có nắng và trong sáng sau khi dịu cơn bão, Pet được người làm mới lái xe đưa đến Chateau mua đồ dùng, đã nhận được một bức thư. Ludlow lau băng giá đọng trên cửa sổ nhà bếp và nhìn đăm đăm chút nắng, hình dung nó đang lơ lửng trên những cái bóng xanh xanh bị nghiền vì tuyết của chuồng ngựa. Decker và One Stab ngồi bên bàn uống cà phê, tranh cãi về độ cao trên những bàn đồ trải trước mặt. One Stab chê trách các bản đồ vì ông lão đã đi khắp vùng từ Browning đến Missoula với một người bạn Cree được tôn vinh là Người Nhìn Tinh Như Chim, một người tri giác lạ lùng về địa hình. One Stab không thích những con số chỉ độ cao trên núi. Làm thế nào đo được độ cao trên bảy biển như Tristan đã kể với lão? Những con số có ý nghĩa gì nếu không có biển ở gần? Một số núi lớn không có tên, trong khi những núi rõ ràng nhỏ hơn lại là những địa điểm cao quý hoặc linh thiêng có nguồn gốc rạn rờ.

One Stab ngừng tranh luận để bảo Decker đọc cho lão nghe *Trong vòng kim kẹp của người Nyika* của J.H.Patterson, cũng là tác giả cuốn *Những kẻ ăn thịt người ở Tsavo*, cả hai cuốn đều kể tỉ mỉ về các cuộc đi săn đầy mạo hiểm ở Đông Phi của viên đại tá Anh. Decker chán sách vở nhưng Tristan đã bắt đầu đọc từ nhiều năm trước và One Stab nhắm mắt lại lắng nghe, rất say sưa những đoạn thú vị về những con sư tử nhảy lên các toa mui trần đang chạy để vồ công nhân đường sắt, con voi độc ngà húc con ngựa có tên là Aladdin; và hay hơn cả là một số lớn tê giác bị giết vì tấn công vào đoàn tàu hoả mới lạ chạy qua lãnh thổ của chúng. One Stab như nhìn thấy ảo cảnh hàng ngàn con bò rừng tấn công đường sắt Bắc Mỹ và lật ngược đoàn tàu. Nhiều năm trước, hồi lão để hết tâm trí

vào dấu vết còn lại của con tatu trong các động tác của Vũ Diệu Ma quỷ, Người Nhìn Tinh Như Chim đã bảo lão rằng ông ta đã tạo ra một con bò rừng vào miệng núi lửa ở Yellowstone, trong lúc Ludlow đo những thác nước lớn cho chính phủ. Chuyển đi khỏi hải đến mức One Stab nhìn khối nước khổng lồ rơi xuống và hét to lên những con số cho đến khi Ludlow lo lắng bắt lão phải im. Tristan đã hứa sẽ có ngày đưa lão đến nơi có những con vật chiến đấu với tàu hoả.

Pet vào, chị dấm mạnh ủng giữ tuyết. Chị đưa bức thư của Tristan cho Ludlow và nhìn lảng đi. Decker cũng thế. Chỉ có One Stab nhìn Ludlow mở thư, không em sợ điều xấu nhất có thể hoặc chắc chắn xảy ra vì lão có tri giác của người Cheyenne, cho rằng cái chết bất hạnh đã xảy ra là điều phải xảy ra. Không thể thay đổi được nó, có cố gắng cũng chỉ như ném hòn đá lên mặt trăng mà thôi.

Quá choáng váng với cái chết đầu tiên, chỉ qua một đêm Ludlow già sạm hẳn đi. Nỗi tiếc thương đến sững sờ của ông làm ông hết giận lại nguôi, ông uống quá nhiều để rồi chỉ càng tăng thêm nỗi ân hận. Trong tình trạng say xỉn, sự giận dữ của ông biến thành cuồng nộ, bẻ gãy những sợi dây sinh lực của ông như thể gân cốt ông mất sức đàn hồi, người ông khòm hẳn xuống và đâm cẩu thả về diện mạo. Ông đọc bức thư chết người của Tristan nhiều lần đến nỗi nó mòn xơ và vấy bẩn. Khi bức thư chia buồn chính thức đến, Ludlow không mở ra cũng như không trả lời những bức thư kích động hàng ngày của vợ. Ông không tự chủ nỗi đến mức chìm sâu vào bất lực. Làm sao họ có thể nhốt Tristan lại trước khi anh lột da đầu của từng tên Đức trên lục địa này. Và cái khí mù tạc chết người ấy là cái gì, làm bao người chạy quanh vô vọng, mất mù, phổi cháy, ngựa hí lên dưới sức nặng của họ. Thế giới chẳng còn thích hợp cho cuộc chiến tranh nữa và ông ngấm ngấm ly khai nó. Pet than khóc và cô bé Isabel tránh ra một chỗ, đọc truyện thiếu nhi cho lão One Stab nghe. Một tối kia lão gặp người bạn và người thầy thông thái của lão trong cuộc rượu, lão không nhỡ ra để thay đổi. Nhưng trong vòng một giờ, Decker phải tìm lão lại, sau đó lại để lão uống nhiều hơn cho lão ngủ lịm và mang lão về lều. Sau khi One Stab hát một bài bằng tiếng Cheyenne về cuộc đời của Samuel, về cuộc hành quân qua rừng của anh, về chiếc kính hiển vi phát hiện ra thế giới không nhìn thấy

được, rồi đến một bài hát tang của người Cheyenne làm Ludlow sụp hẳn xuống, bởi lẽ bốn mươi năm trước ông đã nghe chính bài hát ấy ở Mauvaises Terres, lúc một trinh sát viên bị chết.

Ngay sau đêm đầu tiên trong phòng bệnh ở Paris, giữa hoà âm ồn ào của những kẻ loạn trí, Tristan đã lập kế hoạch bỏ trốn. Không như Ludlow là người giàu có và nói chung là uỷ mị, sự phát đạt trong những năm vừa qua che chở cho ông khỏi thể chế tàn bạo của nền văn minh, lỗi lầm của Tristan thật rõ ràng và giới hạn vì cái xác, vì trái tim trong hộp đạn, ngập trong lớp nền của đứa em trai. Chỉ có Alfred như một sản phẩm của thực tại là thoát khỏi tội lỗi này. Đến ngày thứ ba, Tristan nói với bác sĩ rằng anh không thể chịu nổi nhà thương điên và đăng nào anh cũng tìm cách đến với ông nội ở Cornwall. Viên bác sĩ bảo anh không thể làm thế được nhưng không thuyết phục nổi. Anh trình bày với viên sĩ quan cao cấp vốn biết danh tiếng của Ludlow, vì giới quân sự hồi ấy vẫn còn tinh thần đoàn thể. Viên đại tá bảo sẽ để Tristan trốn thoát, ông nói rằng người này tàn phế hoàn toàn và nên nhanh chóng cho về nhà.

Trong những chuyến Tristan đi dạo xuyên qua Rừng và qua một tàu ngựa trống trải ở Longchamps, anh đã thấy những con ngựa dàn hàng và tập luyện. Một hôm, anh mua một con ngựa cái đẹp, biết rằng các đoàn tàu sẽ đòi giấy phép chính thức. Anh kể ý định của mình với bác sĩ và được anh ta viết giấy cho phép. Tặng sáng, Tristan gói ghém đồ lều sơ sài của anh và lên qua người phục vụ đang ngủ say. Mất năm ngày rong ruổi hết mưa lại mưa đá rồi tuyết rơi mới đến được bờ biển. Anh phi như bay qua trạm kiểm soát, chào bữa bãi trong lúc phi nước đại, con ngựa bị văng mất một miếng sắt bịt móng ở Lisieux và được một người thợ rèn sửa vội vàng với giá cắt cổ. Ở Cherbourg, anh lên tàu chở hàng đến Bournemouth tương đối dễ dàng, anh mua con ngựa khác rồi phi về hướng tây đến Falmouth bên bờ biển Cornwall. Vào lúc nửa đêm giá buốt, trong tiếng gầm ngoài đê chắn sóng, Tristan đến bên cửa nhà ông nội. Tiếng gõ cửa lúc đêm hôm khuya khoắt làm ông lão đang mặc áo ngủ phải vớ lấy khẩu Beasley tậu ở New Orleans. Tristan nói:

– Cháu là Tristan, con trai của William đây.

Người ông giờ cao chiếc đèn lồng và nhận ra anh qua những tấm ảnh, cụ nói:

– Đúng là cháu rồi.

Thuyền trưởng đánh thức vợ dậy làm bữa và lấy chai *rum* Barbados ngon nhất ra mừng thằng cháu điên rồ cụ đã nghe kể từ hai mươi năm nay.

Tristan trải qua một tháng lặng lẽ ở Cornwall, Ludlow mới biết tin anh đã an toàn sau khi trốn thoát. Ngay sáng đầu tiên, viên thuyền trưởng đã đưa Tristan xuống làm những việc vặt nhất trên thuyền. Tristan không biết gì về tàu bè nhưng anh học rất nhanh về dây cáp, cách buộc nút và dương buồm. Tháng Ba, thuyền trưởng chở một chuyến máy phát điện làm lại đến Nova Scotia, rồi trên đường về ghé qua Norfolk chở thịt bò ướp muối. Ông lão sẽ thả Tristan xuống Boston để báo tin buồn cho mẹ, rồi từ đấy anh sẽ về nhà. Họ ra khơi vào tháng Ba trên con tàu cổ lỗ, có bốn thủy thủ canh phòng chặt chẽ, tất thảy đều là những người có năng lực, cần thiết cho cuộc chiến của nước Anh. Tristan chặt băng đóng ở thành tàu suốt một tuần, trước khi thời tiết chuyển ấm hơn. Anh xuống tàu ở Boston trong kháchkhí, sau ba tuần lênh đênh trên biển. Tristan lên đường đến ga Nam và trên chặng đường một dặm đến Dedham, anh nốc hết một chai *rum*. Susannah ngất xỉu khi anh đến gõ cửa nhà cha cô. Cô không biết anh đã hẹn ba tháng nữa sẽ gặp viên thuyền trưởng già ở Havana.

Tristan, Alfred, Isabel và Susannah ngồi trong phòng khách tối đen ở quảng trường Louisberg; hai người con trai, một bà mẹ, một vị hôn thê cảm thấy mình đột nhập không đúng lúc vào nỗi đau của họ. Tristan cứng nhắc và cọc lốc, Alfred xanh xao và trở nên thô lỗ, còn Isabel không tự chủ nổi. Họ đến dự lễ tưởng niệm do các bạn của Samuel ở trường đại học Harvard tổ chức. Sau đó, Tristan tuyên bố vài ngày nữa sẽ cưới Susannah, mẹ anh không cho phép, bà nói cưới vợ trước tang lễ là không thích hợp. Tristan cọc lốc và thất thường đáp rằng bà có thể dự nếu bà muốn.

Tristan và Susannah cưới tại quê của gia đình cô, gần Delham và đám cưới chẳng có gì vui vẻ. Chỉ có hai chị em gái của Susannah

hiểu vì sao cô có thể lấy người cha mẹ cô không ưng, dù họ đã là bạn bè lâu năm của Isabel.

Một buổi sáng cuối tháng Tư, Ludlow ra đón đoàn tàu trong bộ quần áo đầy bùn, lộ rõ sự lập dị ngày càng tăng của ông. Ông đã sửa lại hàng rào bằng đá kiểu Cornwall bao quanh ngôi nhà ở nông trại bị băng giá làm hỏng. Chẳng phải ông ghét bỏ gì dây thép gai, mà chỉ vì ông không muốn nhìn thấy. Isabel đã thỉnh cầu mục sư của Giáo hội Trưởng lão đến lễ tang ngày hôm sau, nhưng Ludlow không tiếp ông ta, ông không hiểu một vị mục sư còn làm được gì cho Samuel.

Suốt chuyến đi, Tristan và Susannah hầu như không rời ngăn của họ trên tàu, kích động sự ghen tuông ngầm ngấm ngấm của Alfred. Trong thâm tâm, Tristan muốn có một đứa con trai thế chỗ cậu em, và đó là mục tiêu duy nhất của cuộc hôn nhân mà anh biết thực chất chỉ là một cơn bốc đồng tàn bạo. Lúc ôm lấy cha bên đường sắt, anh run lẩy bẩy nhưng không khóc cho đến lúc ôm One Stab.

Sáng sớm hôm sau, một buổi sáng mùa xuân rực rỡ, những cây dương đang đâm chồi nảy lộc màu tùng lam xanh tươi, cỏ mới mọc, họ chôn trái tim của Samuel vào hẻm núi gần sông suối. Isabel thấy cuộc đời của họ đang trở thành con mồi của lịch sử từng ngày đêm, ai cũng chỉ biết đến ý thích của mình nên không người nào ở lại để bà yêu thương. One Stab ngấm Decker lấp đầy cái hố trên triền đồi. Lúc mọi người ra về, ông lão xuống đồi và ngoảnh nhìn tám bia đá nhưng không thể đọc được chữ nào.

SAMUEL DANT LUDLOW 1897 – 1915

CHÚNG TA KHÔNG NHÌN THẤY NHƯNG NHẤT ĐỊNH SẼ GẶP

Ghi chú:

(1) Cheyenne: Người da đỏ ở vùng đồng bằng miền Tây nước Mỹ

(2) Agassiz (Jean) Louis (Rodolphe) 1807-1873: nhà tự nhiên học Mỹ, sinh ra ở Thụy Sĩ

(3) Pandora: Là người phụ nữ đầu tiên trên trái đất do thần Dớt tạo ra, xinh đẹp và nhiều tài năng, là bạn đời của đàn ông nhưng

gây ra cho đàn ông nhiều tai hoạ.

(4) Medusa: một trong ba chị em ác quỷ Gorgon, có đầu xoay tròn nhìn các phía, mỗi sợi tóc là một con rắn, nhìn ai người ấy hoá đá.

(5) Fury: Nữ thần Báo oán, gieo rắc đau khổ và bệnh tật.

(6) Tất cả các nữ nhân vật trên trong Thần thoại Hy Lạp

(7) *polo: một môn thể thao, người chơi cưỡi ngựa dùng một cái chày có cán dài đánh quả bóng vào trong cầu môn.*

(8) *Cree: một nhánh của người da đỏ Mỹ ở Manitoba và Saskatchewan*

(9) *Cain: Theo Kinh Thánh, Cain là con cả của Adam và là kẻ giết em trai mình là Abel.*

(10) *mù tạc: Loại chất độc lỏng, hơi của nó làm cháy da, dùng trong thế chiến I.*

Chương II

Những giấc mơ hè của Tristan đầy những nước; cái lạnh Bắc cực dâng lên cuộn cuộn quét qua giấc ngủ của anh trong những khoảng không trải rộng tươi xanh. Nếu thức giấc trong đêm, anh lại lướt bàn tay một cách phấn khởi lên bụng Susannah. Trong hai tháng đầu của cuộc hôn nhân, anh là người tình thực sự cuồng nhiệt không vì bất cứ lý do sinh học nào, ngoài vết thương trong tâm trí về Samuel. Anh cầu nguyện một cách lười biếng, rồi cười thầm khi nghĩ biết đâu Chúa chẳng cho anh một con chuột xạ làm con. Anh ngấm ngấm dành một tuần đến Havana gặp ông nội, một việc mà anh biết là ngang bướng nhưng không thể dừng được. Nếu là một trăm năm trước, chắc anh sẽ thích thú đi du lịch trong lục địa, đến thăm những rặng núi và dòng sông bất tận, nhưng lúc này là năm 1915, anh hai mươi một tuổi, những thứ như thế còn lại rất ít, anh nóng lòng được thấy những đợt sóng mệnh mông ngoài đại dương và xa hơn nữa. Chẳng phải anh không thích nơi anh ra đời: thực ra nếu không có Canada thì miền bắc Montana là chọn lựa duy nhất của anh. Và anh yêu vợ theo kiểu một thanh niên có bản tính lạ đời như anh có thể yêu. Anh say mê cô, giữ cô ở bên mình, họ trò chuyện nhiều giờ liền về những dự định hầu hết là không thực tế (về phía anh) cho tương lai: điều hành nông trại, nuôi gia đình và ngựa giống, và lẽ dĩ nhiên ngựa là cột trụ của việc kinh doanh. Susannah sẽ ngồi gần bãi quây gia súc dưới một cái dù để bảo vệ làn da nõn nà của cô, quan sát Tristan và Decker nghỉ ngơi và bày ngựa được một người Cree lai đen giúp, anh ta bám vào con ngựa khó tính nhất như một quả ké mắc vào bộ lông con chó xù.

Ludlow bận bịu với việc giải trí của Arthur, cha Susannah, ông ta đến miền tây trong đoàn thể tha với một hòm lớn đầy cần câu H.L.Leonard. Ludlow thấy có vẻ kỳ quặc khi người đàn ông này công khai chăm sóc Alfred hơn chăm nom Tristan. Lưng Alfred đã tự lành, nhưng anh vẫn cần chống gậy. Sau vài tuần câu cá, nhà tài chính khoái trá có dịp tìm kiếm kỹ càng nhiều thứ để mua, đúng kiểu hiếu kỳ truyền thống của người giàu đang phấn chấn, lúc nào cũng xoay

xở mua bằng được một thứ gì đó. Ông mua một nông trại lớn ở kế bên, gọi là quà cưới tặng con gái và con rể, tuy ông vẫn giữ một nửa để bảo hiểm mà ông gọi là một "thủ tục kinh doanh thận trọng".

Ludlow trở lại là người phong nhã với vợ: cuối cùng thì nỗi đau của họ quá lớn không thể giữ một mình mãi. Khoảng khắc khắc nghiệt nhất xảy ra vào một chiều Chủ nhật nóng nực, họ đang nghỉ và ăn uống trên bãi cỏ, thì một cô gái mặc bộ áo mùa hè rẻ tiền phi ngựa không yên lao đến bên cổng. Tristan vội rào bước ra ngoài và nhắc cô gái từ trên lưng ngựa xuống, anh nhận ngay ra cô trong lúc những người khác bối rối nhưng buồn bã: đó là con gái của người tá điền ở mãi gần Cut Bank đến tìm Samuel, người đã tặng cô chiếc đồng hồ vàng để hộ thân. Cô đến gần bàn, ôm chặt cái túi vào ngực. Tristan giới thiệu cô, mang cho cô đĩa thức ăn và cốc nước chanh. Anh ngồi xuống cạnh cô và nhìn một cách tai họa lúc cô rút chiếc đồng hồ trong túi ra. Cô biết tin Samuel mất trên báo Helena và đã phi ngựa suốt ba ngày liền để trả lại chiếc đồng hồ, và nếu mọi người muốn, có thể đọc những lá thư Samuel gửi cho cô. Có khoảng một trăm lá thư, thư nào cũng kể tỉ mỉ công việc trong ngày bằng nét chữ cẩn thận của anh. Ludlow đi đi lại lại trên cỏ và nguyên rửa trong lúc Alfred nhìn chăm chặp xuống đất. Susannah dẫn cô gái đi tắm và nghỉ ngơi. Đến giữa buổi chiều, cô nói phải ra về và đề nghị mọi người gửi thư trả cô khi đọc xong. Cô không nhận chút gì, kể cả quần áo, tiền hoặc chiếc đồng hồ vàng nhưng xin một bức ảnh của Samuel vì anh không chú ý hoặc quá nhút nhát nên không gửi cho cô. Tristan lặng lẽ cưỡi ngựa tiễn cô vài dặm, ước gì cô đã có thai để bằng cách nào đó nhớ lại Samuel, nhưng không, anh mất đi hoàn toàn trình trắng. Và lúc này cô gái ra đi chỉ vền vẹn có một tấm ảnh để an ủi. Tristan những muốn bóp cổ cả thế giới.

Tristan về nhà trong tâm trạng tục tĩu đến mức cố luyện một con ngựa giống non khó dạy. Con vật có bắp thịt rắn chắc và dẻo dai, những năm gần đây được coi là con ngựa của vùng. Anh định cho nó nhảy liên một lúc ba con ngựa cái thuần chủng của cha; Ludlow thấy đấy là ý tưởng hay nhưng cha của Susannah là người cuồng nhiệt với các cuộc đua ngựa lại nghĩ thế là thái quá. Tristan làm đến tận sẩm tối, đến lúc những người quan sát trong ánh chiều chạng

vàng đều thấy hoặc là ngựa hoặc là Tristan sẽ chết trong cuộc giao phối. Cha của Susannah châm biếm nói rằng ngựa sẽ phụng sự một mục đích hay hơn là chó để làm thịt, và Tristan nhìn ông ta trừng trừng. Anh nói sẽ đặt tên cho con ngựa là Arthur Thịt Chó để tôn vinh ông ta, làm ông ta dậm chân thành thịch, tuyên bố sẽ không bao giờ ăn với họ và đòi một lời xin lỗi nhưng không bao giờ có.

Đêm khuya hôm ấy, đại dương lại đến trong giấc mơ của Tristan: anh lật đi lật lại tấm thân bầm tím và thấy bầu trời đen tối, những làn sóng nhồi mênh mông dâng lên cuộn cuộn trong phiên gác đêm, tiếng lách cách của cánh buồm mũi cứng lại vì băng giá, rồi sau đó là bầu trời lác đác những vì sao, quá to so với những ngôi sao thực. Anh thức giấc, thấy Susannah đang phủ lên mình anh, rèm cửa bay phàn phật như những cánh buồm. Anh đến bên cửa sổ và nhìn trân trân xuống con ngựa giống trong bãi, dưới ánh trăng anh có thể nhìn thấy rõ cái cổ đầy đặn của nó phồng lên. Anh bảo Susannah là sẽ đi xa vài tháng, có khi đến một năm, đi gắp thuyền của ông nội ở Havana. Cô nói cô cũng biết anh cần đi và sẽ chờ đợi anh mãi mãi. Đến bữa ăn sáng, anh hôn từ biệt cha mẹ và lên ngựa cùng One Stab đến Great Falls để lên tàu hoả. One Stab cho anh một con dao găm và Tristan nhớ lại con dao của anh đã chôn cùng Noel ở Ypres. Ôm lấy ông già da đỏ, Tristan nói anh sẽ trở về, còn One Stab chỉ nói: "Tôi biết thế" lúc ông lão xếp dây chì dò độ sâu lên ngựa cho Tristan.

Cuộc hành trình không bao giờ thực sự kết thúc, trừ việc nó đến với tất cả mọi người, trong đời người đàn ông này. Cuối tháng Chạp năm 1977 trên triền đồi phủ tuyết ở Alberta, một đứa cháu trai tìm thấy Tristan (đã tám mươi tư tuổi), cạnh xác con hươu lão đang moi ruột, bàn tay lão đã đông cứng quanh con dao găm mà One Stab cho lão ngày nào ở Great Falls. Đứa cháu trai treo con hươu lên cây thông và vác lão về nhà, đôi ủng đi tuyết của anh ta chỉ ngập sâu hơn chút ít trong tuyết.

Tristan lên tàu phía đông đến Chicago, vì tò mò nên dành hẳn vài ngày xem xét các chuyến tàu Great Lakes ở bến, anh theo hướng nam đến New Orleans rồi đến Mobile, mất mấy ngày đi thuyền buồm dọc của một người xứ Wales rời Newfoundland và xuôi xuống

Florida đến Key West, anh lên phà đêm đến Havana sau khi xem một đồng rùa xanh trong khu đất rào kỹ, dỡ từ một con thuyền buồm đẹp để nhưng bản thủ chạy từ Cayman.

Đây là lần đầu tiên anh đến vùng nhiệt đới và trong đêm đến Havana anh không ngủ, đi đi lại lại trên boong nhiều giờ liền, không hiểu vì sao những ngọn gió nhẹ của Gulf Stream không xua được cái nóng ẩm đặc quánh bên dưới mũi tàu nơi anh đang đi, để thoát khỏi mùi khói than tỏa ra từ ống khói, những con sóng lấp lánh lân tân. Đến tảng sáng, quang cảnh Havana hiện ra xa xa, anh vừa nhấp từng ngụm *rum* trong chai vờ ngắm những con cá heo đầu tiên bay qua mũi tàu, nằm ngửa rồi vọt qua làn tàu. Xoay người, anh thấy vùng nửa tối màu đỏ tía rộng mênh mông của Gulf Stream in lên nền trời. Mắt anh đỏ hoe và chuyển đi thật căng thẳng, nhưng lần đầu tiên trong nửa năm nay, anh thấy một cảm giác na ná sự thanh thản trong lòng, dường như ngọn gió nhẹ ban mai đã thổi sạch bề mặt biển cả, bên dưới chẳng hề có những dòng chảy và sự hỗn độn. Anh mỉm cười nhìn mặt nước và nghĩ đến cái thuyền buồm dọc của ông nội, tuy tương đối mới nhưng thật nhỏ bé so với những con tàu chạy bằng hơi nước vừa nhỏ neo ở Havana. Nhưng vấn đề là chỉ có ít tiền mà muốn đến nơi anh muốn, các cảng hay gây rắc rối cho những công ty vận tải lớn hoặc vịnh quá nông so với những con tàu lớn và chở nặng. Hơn nữa, ông già đã bảo ông ghét mùi khói và tiếng ồn của động cơ trên biển, và đã quá muộn để anh khước từ ý thích thành một việc quái gở.

Rốt cuộc người ta chẳng có quá nhiều cảm xúc với những vấn đề đặc biệt nhưc nhối như không có một chế độ thưởng, phạt đúng đắn trên đời. Vấn đề không phải là ít day dứt và khó chịu với một người vô ích đến thế, ngây thơ đến thế. Chúng ta không quan tâm đến những vấn đề lớn hơn: nghe nói những thiếu niên Nez Percé⁽¹⁾ đang hào hứng tiếp nhận lời kêu gọi nồng nhiệt của kỵ binh. Chẳng có gì quái gở hơn cuộc gặp gỡ của một đứa trẻ với súng đạn. Và đó chính là sự khác biệt trong nhận thức: báo chí hồi ấy cứ khẳng khẳng một mực rằng chúng ta đã chiến thắng. Chúng ta thích nghĩ rằng toàn bộ vũ trụ sáng như sao sẽ đông vón lại thành một vật kỳ quái: sự giao hội của chòm sao Orion vặn lệch đi, các nhánh của chòm sao

Southern Cross rủ xuống. Lẽ tất nhiên là không: không thể thay đổi là không thể thay đổi, và mỗi người suy nghĩ theo cách của mình về vấn đề đang chịu đựng. Ngay cả thần thánh cũng không được miễn trừ: tiếng hú của Chúa Jesus nhuộm vẻ thất vọng khi Người bước khá ngập ngừng vào chốn vĩnh hằng. Hình như chúng ta không thể đi từ lớn đến nhỏ vì mọi thứ có cùng kích thước tương đương. Da thịt của mỗi người là riêng biệt và người nọ khó mà hình dung người kia một cách rõ rệt.

Vậy là Tristan không hiểu chút gì về nỗi thống khổ anh đã gây ra cho Susannah. Vào buổi sáng anh lên đường, cô đi tản bộ rất lâu và bị lạc. One Stab tìm ra cô lúc trời nhá nhem tối và sau đó Ludlow bảo lão trông chừng cô mỗi khi cô rời khỏi sân. Cô tiếp tục đi bộ nhiều tuần lễ và cha cô rút ngắn kỳ nghỉ, ông giận cô đã từ chối dự định của ông đòi huỷ bỏ cuộc hôn nhân. Susannah mang nặng tính cách phổ biến ở đầu thế kỷ mười chín hơn là đầu thế kỷ hai mươi; Là một người tình bị bỏ rơi, cô không vui vì sự ái ngại của mọi người; quyết tâm này của cô không mấy ai hiểu thấu, cô dành thời gian hoặc để mang những cuốn cẩm nang về động, thực vật của Samuel đi dạo, hoặc ngồi trong phòng riêng đọc Wordsworth, Keats và Shelley là những tác giả được ưa chuộng từ hai năm trước ở Radcliffe, trước khi cô lấy Tristan. Cô thích trò chuyện với bà mẹ chồng có trí thông minh xuất sắc hết như cô, miễn là câu chuyện không đã động đến Tristan. Nhưng cô dành hầu hết thời gian cho những chuyến đi bộ dài trong mùa hè và bận tâm như thế nên cô không chú ý đến lão One Stab đi theo cô. Thỉnh thoảng, Susannah rủ bé Isabel đi cùng và cô sững sốt vì tính hóm hỉnh, linh hoạt cùng sự hiểu biết thiên nhiên của cô bé, học được từ mẹ và nhờ óc quan sát hơn là trong sách vở. Một buổi chiều đặc biệt nóng nực, lúc họ đang tắm trong vịnh do một dòng suối tạo ra, gần mộ Samuel, Isable nhận ra One Stab lẫn vào rừng và vẫy tay. Susannah kêu to và vội che người, cô ngượng ngịu, lúng túng như một đứa trẻ. Lúc đó Isabel cười phá lên và nói khi nào lớn nó sẽ lấy One Stab nếu lão không quá già, vì Susannah đã lấy Tristan rồi và nó chẳng còn được chọn lựa gì trên đời nữa. Susannah vội ngâm mình xuống đến cổ và nhớ lại một hôm trong vịnh này, Tristan đã bắt chước một con rái cá đuổi bắt con cá

hồi bé bỏng và ăn cải xoong. Isabel nói lão One Stab chỉ đi theo để phòng cô khỏi lạc hoặc tình cờ lang thang giữa một con gấu xám và những con thú khác mà thôi.

Sáng hôm ấy ở Havana, Tristan ăn sáng rồi đi dạo phố đến giờ đã hẹn buổi trưa, giờ hàng ngày ông nội anh thăm hăng tàu thủy. Lúc đầu cuộc gặp gỡ bình thường, nhưng lúc thoát khỏi các thư ký và dấn vào cái nóng gay gắt của ban ngày, ông nội anh trở nên nghiêm trang và đi vượt lên nhanh như một người chạy cơn mưa đông. Ông lão đã cho tốp thủy thủ về nhà và lão bị bệnh ty, đây là câu phàn nàn duy nhất Tristan nghe thấy từ miệng ông nội, nhưng nó che giấu một điều chắc chắn xảy ra: con thuyền buồm sẽ bị tịch thu trên đường về Falmouth để dùng cho chiến tranh. Họ phải hợp tác điều khiển con thuyền. Lúc hai ông cháu đi qua Lãnh sự quán Anh, ông già dừng lại nhìn Tristan bằng cặp mắt xanh lơ lạnh lùng và bảo anh đừng nói gì hết, cuộc thỏa thuận đã xong. Rồi ông lão uống một ngụm *rum* lớn trong chai của lão và đưa mời Tristan, nói rằng cảm xúc của lão ắt phải cùn nhụt đi một chút mới chịu được những kẻ ngu dốt như thế này.

Đến cuối buổi chiều, họ chất các thứ lên thuyền buồm cùng một phó thuyền trưởng mới, một anh chàng Đan Mạch từ San Francisco tên là Asgaard và ba thủy thủ người Cuba rõ ràng là dày dạn kinh nghiệm. Lúc này thuyền trưởng không chính thức là Tristan, trong danh sách của ông nội, anh là một hành khách đi Falmouth. Họ lén khỏi nơi buộc thuyền sau khi trời tối, cắm cờ Mỹ trước buồm chính và ghi chép hành trình vào một cuốn nhật ký mới. Sáng hôm sau có gió đông bắc mạnh, họ lượn vòng quanh mũi Antonio và nhằm hướng tây nam xuống kênh Yucatan, thẳng tới Barranquilla bốc hàng của một nước trung lập gồm gỗ dái ngựa và hồng mộc, và chẳng phải ngẫu nhiên, có cả một thần dân quan trọng người Anh. Rồi nhằm hướng đông, họ qua phía nam của Caymans, ngược lên kênh Windward rồi ra Caicos Passage, quay mũi về hướng bắc, được dòng Gulf Stream trợ giúp thẳng tới nước Anh.

Trong cabin riêng, thỉnh thoảng ông lão ra lệnh cho Asgaard và dạy dỗ Tristan không ngừng. Họ chia thành ca hai người một, uống cà phê Jamaica cho tỉnh ngủ. Suốt một tháng liền, mọi thứ biến sạch

khỏi tâm trí Tristan ngoài việc nhồi nhét những kinh nghiệm sáu chục năm ròng của ông nội anh: giấc ngủ của anh đầy những đường đi của các cơn bão tưởng tượng, dây neo, cách chia cột buồm, những cơn sóng lừng lạ lẫm ở ngoài khơi Madagasca, hiếm có trong mùa đông. Họ không thấy dấu hiệu bị Đức phong tỏa lúc đến gần bờ phía nam nước Anh. Ban đêm, lúc họ lèn vào Falmouth thì chạm trán tình báo Anh. Đây là chuyến hàng cuối cùng của ông lão và tối hôm ấy, Tristan và bà vợ dìu ông lão lên giường, bà cụ đã đếm từng chuyến trở về của lão từ hơn nửa thế kỷ nay. Lão gần như vui vẻ lúc nắm tay vợ và nói lão về đến nhà là mừng lắm rồi.

Ngày hôm sau, Tristan được một giám đốc trước đây làm giám đốc nhà máy ở Midlands chỉ dẫn vặn tắt. Viên giám đốc tỏ ra cung kính và rót cho Tristan một cốc lúc anh căng thẳng sờ tập hồ sơ. Rồi ông ta hỏi liệu Tristan có phiền không nếu cho biết cách lột da đầu người khác; hồi trẻ, ông ta đã đọc nhiều tác phẩm văn học về miền Tây nước Mỹ, nhưng chưa có tác giả nào miêu tả chính xác kỹ thuật này, mà ông ta rất muốn biết. Tristan lẳng lặng đưa bàn tay xuống dưới lưối trai của mũ trong một cử chỉ cho thuận, rồi làm động tác bóc toạc thật nhanh. Nó làm anh có cảm giác hài hước thật hiếm hoi và anh nói người ta đợi cho đến lúc kẻ địch đã chết hoặc gần chết mới lột, tùy thuộc vào mức độ căm ghét, không thể lột da người đã bị chặt đầu vì cần phải giữ cho chắc bằng một điểm tựa. Người Anh gật gù tán thưởng rồi họ nói tiếp vào công việc. Sáng hôm sau, hàng trên thuyền dỡ xuống, những hòm gỗ đề thịt bò đóng hộp nhưng thực ra bên trong chứa vũ khí loại tân tiến. Hàng sẽ chở đến Malindi trên bờ biển Kenya viện trợ cho quân Anh, chặn trước những chuyện rắc rối với Đức ở pháo đài Ikomo ở Tanganyika. Trong giai đoạn tương đối sớm này của cuộc chiến, họ không muốn gây rắc rối với Đức nên đã trưng cờ Mỹ, nhưng tình hình chỉ thay đổi tạm thời và nếu Tristan bị nã đạn, anh phải đánh đắm thuyền. Nếu cuộc đụng độ nhỏ lúc họ đến gần Kenya, chỉ cần một hộp súng trưng hoặc súng săn gửi đến Nairobi là có thể chống giữ được, và anh sẽ huấn luyện các thủy thủ tình huống có thể xảy ra này.

Tristan ngồi suốt buổi chiều cạnh giường ông nội, đợi chuyển ra khơi lúc nửa đêm. Trong lúc ông già ngủ, anh viết thư cho Susannah

và cha rằng anh đi công cán cho chính phủ, không biết thư từ có bị kiểm duyệt không, vì ngày hôm ấy một nhân viên tình báo cải trang thành ngư dân xứ Cornwall đã lẻo đẹo theo anh khắp mọi nơi. Viết thư đem lại cho anh một sự uỷ mị khá lạ lùng, dường như lát nữa số phận anh không thể thay đổi được nữa và anh sẽ tự chôn mình. Anh hình dung cha anh và Decker tranh cãi về dòng giống, còn mẹ anh trong phòng khách với chiếc máy hát đang chơi bản *Cavalleria Rusticana*. Anh như nhìn thấy Susannah ngồi dậy trên giường, duỗi đôi cánh tay trong ánh sáng ban mai, hình dáng mảnh mai của cô đến bên cửa sổ xem thời tiết bao quanh các ngọn núi, rồi cô trở lại giường và nhìn anh một lúc lâu, không nói lời nào.

Một số hành động kỳ lạ nhất của chúng ta cũng là đặc điểm sâu sắc nhất, đó là sự khao khát ngấm ngấm giữ nguyên những ý nghĩ yếu đuối, trừ khi họ có ý chí mạnh mẽ đủ xua tan chúng. Lẽ tất nhiên chẳng ai nhìn thấy "ý chí" và có lẽ nó là một khái niệm hơi rẻ tiền, một từ ngữ cùn mòn cần đến một ngàn từ bổ nghĩa. Sáng hôm ấy, sau bữa ăn sáng dưới ánh đèn lặng lẽ với bà nội - bà cụ cho anh cuốn Kinh Thánh bọc trong chiếc áo len đan dài tay bằng len lông cừu - Tristan ra khơi đi châu Phi, đáp ứng những khao khát nung nấu lòng anh. Từ khi học địa lý lớp sáu ở trường làng, anh đã mơ đến châu Phi không phải để săn bắn, vì One Stab đã dạy anh cảm giác về danh dự và chính trực hơn là việc bắn một con vật để vừa lòng cái tôi của mình, nhưng vừa nhìn thấy, ngửi thấy, cảm thấy và hiểu biết, cậu bé Tristan đã mê tít các bản đồ cậu có. Một ám ảnh nữa nhờ những câu chuyện của cha cậu kể về những chuyến đi ngắn ngủi hồi niên thiếu với ông nội anh: một chuyến đi Goteborg ở Thụy Điển vào mùa hè, chuyến khác đi Bordeaux và nhìn thấy cá voi ở Biển Bắc. Là người chăn ngựa rất thành thạo, trong giấc mơ Tristan hình dung thuyền buồm như một con ngựa trên biển khổng lồ nhảy trên ngọn sóng đầy bọt và nghiêng ngả trên những cơn sóng lừng. Một cảm giác không nói ra, không hình dung nổi, ngoài dự kiến về thời gian và không gian sẽ cho anh biết vì sao Samuel chết.

Một tuần gió rét căm căm đưa họ vòng quanh Mũi St.Vicent, nơi họ nhằm hướng đông nam đến Gibraltar. Asgaard tính trung bình mỗi ngày họ đi được một trăm năm mươi hải lý, đằng nào thì khi vào

Địa Trung Hải thì cũng phải đi chậm lại. Hai lần họ phải hạ buồm để tập súng trường. Tristan rất hài lòng mở hộp thấy bảy khẩu Holland&Holland có cỡ nòng khác nhau kể cả một súng bắn voi và bốn khẩu súng săn. Nhưng biển cả quá dữ dội và gần như không có thời gian để ngắm bắn, và sóng cứ trồi lên thụt xuống làm đổ các chai để ở đuôi tàu. Chỉ có Tristan và một trong những anh chàng Cuba - sau này tiết lộ là người Mexico bị đi đày - là có thể bắn được. Asgaard là một người Đan Mạch bình thản, nhắm cả mắt khi kéo cò; một trong những người Cuba không thể nín được cười khúc khích, còn người kia cứng nhắc và nghiêm túc nhưng không có kinh nghiệm.

Vào Địa Trung Hải được một ngày rưỡi, lúc đang qua Alboran, một tàu khu trục Đức đánh tín hiệu báo họ cuốn mép buồm và dừng lại, nhưng một cơn gió mạnh đột ngột và mây đen vần vũ làm họ chạy thoát ngon lành. Để an toàn, Asgaard nghĩ khôn ngoan nhất là đi men bờ Algeria và Tunisia, bên ngoài điểm họ cho là ít nhất cũng đủ an toàn cho đến Ấn Độ Dương. Điều đó chứng tỏ là đúng, tuy Tristan kiệt sức và không ngủ khi thuyền họ đứng yên vì thiếu gió suốt ba ngày ở ngoài khơi Lybia. Trái với thông lệ, họ đỗ lại Ierapetra ở Crete đủ lâu để lấy nước ngọt thay chỗ nước hơi bị mặn của họ. Trên cầu tàu, một chủ hiệu rõ ràng là người Đức lên theo dõi họ và anh chàng Mexico gợi ý với Tristan nên cắt phăng cổ họng thằng cha nọ. Tốp thủy thủ không được báo cho biết nhiệm vụ, nhưng chẳng ai tin các hòm kia chứa thịt bò. Asgaard phát hoảng khi Tristan bỏ hết những nghi thức trên tàu tách biệt thuyền trưởng với nhân viên, những thủ tục mà anh căm ghét và chống lại trong quân đội. Toàn bộ thủy thủ trên tàu đều nhanh nhẹn và có năng lực, phần chần, phần lớn vì họ đang hướng về phương nam, đến vùng ấm hơn mà họ yêu thích.

Vào một buổi rạng đông, con thuyền đến Port Said và vào kênh đào Suez yên ổn. Chỉ Tristan và Asgaard là lo âu vì Hồng Hải quá nóng lực. Sức nóng giảm hẳn khi họ đến eo biển Bab el Mandeb có những cơn gió mạnh thổi từ phương nam của Ấn Độ Dương trong vịnh Aden. Hai tuần sau họ đến Malindi, và thấy nơi hẹn đã đổi đến Mombasa, phải bơi hai ngày nữa về phương nam. Tristan lại rơi vào

nỗi buồn vì anh ngấm ngấm mong chạm trán tàu chiến Đức, nhưng việc đổi đến Mombasa là bất khả kháng. Viên sĩ quan Anh nói họ phải biết ơn vì tuy đi xa hơn nhưng thế là đền đáp khá thiên vị cho cuộc hành trình đầy gian nguy của họ. Anh ta còn nói đã đề nghị thưởng huân chương, đến nước ấy Tristan phát ớn và ra khỏi phòng. Sau hơn một tháng lênh đênh trên biển, chàng công tử bột nhiều sự này làm Tristan buồn nôn. Trước kia Asgaard đã ở Mombasa, anh ta dành chuyến lên bờ vui thú với một goá phụ người Pháp, nên Tristan và hai gã Cuba và gã Mexico lên chuyến tàu hoả mới đi Nairobi, nhậu nhẹt và chơi gái đến mệt lử. Tristan nhận chở một chuyến ngà voi, răng nanh lợn lòi và ngà voi giả bằng sừng tê giác, một loạt thuốc kích dục của Trung Hoa đến Singapore. Ở Nairobi, anh hút thử thuốc phiện và khá thích thú. Trên đường về cảng, ở trạm lấy nhiên liệu Tristan chụp một tấm ảnh đầu con tê giác vắt qua lòng anh. Anh trả hai chục đôla cho anh chàng thợ ảnh người Anh nghiện rượu, gây gỗ, rồi gửi tấm ảnh về cho One Stab, nhờ ông William Ludlow, Choteau, Montana, Mỹ, chuyển hộ. Bức điện viết: "Con vật này chết chỉ trong giây lát ngăn đoàn tàu".

Mùa thu lại đến Montana, mới có một năm định mệnh từ lúc các chàng trai ra trận. Isabel và Susannah đã đi Boston, sau khi Susannah khỏi trận viêm phổi vì đã đi bộ lâu dưới mưa. Năm ấy chỉ có ba ngày là mùa hè Indian thực sự, và một buổi chiều ngoài hành lang, Ludlow loay hoay lắp cái radio, trong lúc One Stab và bé Isabel chăm chú quan sát. Khi những tiếng nhạc đầu tiên từ Great Falls toả ra theo sóng radio, tất cả phát hoảng. Lũ chó săn chim đang ngủ trong hành lang đứng phắt dậy mà sủa, con đực rúm ró lại vì sợ. Ludlow suýt đánh rơi cái máy ông đã mất hai ngày lắp ráp. Rồi Isabel cười phá lên và vừa vỗ tay hoan hô, vừa nhảy vòng tròn. Lão One Stab lại chìm vào suy tư trong lúc ông Ludlow giải thích khái niệm rằng con vật nào cũng có âm thanh riêng của nó. Ngấm nghĩ suốt một giờ, One Stab coi cái radio bản chất là thứ vô dụng chẳng kém gì cái máy hát.

Susannah ở suốt mùa đông tại nhà Isabel ở quảng trường Louisburg. Vẫn bị cha mẹ xa lánh vì cuộc hôn nhân, cô thấy Isabel là người bạn gần gũi và quan hệ mẹ chồng - nàng dâu giả tạo của họ

đã trở thành bạn bè thân thiết. Năm ấy Isabel quyết không cặp bồ với ai, ngoài việc xem nhạc kịch và nghe giao hưởng, bà dồn hết sức học tiếng Pháp và tiếng Ý, cho vấn đề nam nữ bình quyền, đòi quyền bầu cử cho phụ nữ. Bà tổ chức một bữa tiệc tối mừng nữ thi sĩ Amy Lowell là em họ xa của bà. Cô ta đã xảy ra chuyện bê bối vì dám hút xì gà công khai. Susannah vẫn còn yếu, cô thích thú thấy người phụ nữ khoa trương ấy đòi một ly *brandy* sau bữa tối, châm điệu xì gà và đọc những vần thơ mong manh, yếu đuối, khác xa với tác giả đến nực cười.

Susannah chẳng bao giờ nhận được thư của Tristan từ Falmouth, chỉ duy nhất một bức thư ngắn gửi từ một tỉnh ở Anh, báo tin thư từ sẽ bị kiểm duyệt để không gây nguy hiểm cho cuộc chiến. Tin này làm cô hoang mang và đau đớn, suýt nữa thì cô liên lạc với cha cô, ông đã nhận được tin Tristan được khen thưởng gì đó. Lãnh sự Anh ở Boston báo cho ông biết Tristan được thưởng Bội tinh Victoria vì đã hoàn thành xuất sắc một nhiệm vụ đặc biệt nguy hiểm, song không thể tiết lộ chính xác. Cha của Susannah không thể không lẩm bẩm "Cái thằng thích phiêu lưu chó chết!" khi nghe tin ấy trong bữa tiệc trưa của Câu lạc bộ Harvard, ông được chúc mừng vì có người con rể ưu tú đến thế. Ông đã ăn mặc khá giống J.P.Morgan và Jay Gould dù họa tiết rõ ràng nhỏ hơn. Cuộc chiến ở châu Âu đã đem lại cho Arthur một thời hoàng kim về tài chính, ông ta đầu tư nhiều vào ngựa và thóc lúa, chủ yếu dựa vào khai mỏ và sản xuất. Ông ta đưa Alfred vào văn phòng ở Helena, cổ vũ anh bước vào chính trường và gửi các bản báo cáo hàng tuần mọi tin tức tình báo kinh tế ông ta có được. Alfred đã giúp ông ta kiếm được những khoản lãi kékch xù vì bán lúa mì với giá cắt cổ, và cha Susannah không thể không nghĩ giá anh ta là con rể thì hay biết bao. Arthur đã đầu tư vào *Standard Oil* là công ty đã mua quyền khai thác đồng ở Anaconda, Montana, và đang thành lập *Amalganated Copper*. Alfred hiểu rõ đặc quyền của những người góp vốn trong lúc Ludlow nặng về tình cảm, chỉ chú ý đến tiền lương và điều kiện sống của thợ mỏ. Khi các đội viên dân phòng treo cổ một kẻ phá cuộc đình công ở cầu Butte, Arthur đã chào họ.

Đến mùa xuân, Alfred đến miền đông theo lời chỉ bảo của Arthur, xếp đặt kế hoạch cho tương lai của anh, gặp mẹ và không phải ngẫu nhiên, gặp Susannah mà anh vẫn yêu thầm nhớ vụng. Alfred hơi cục mịch so với Tristan và Samuel nhưng anh là người trước sau như một, luôn thán phục các em, bản tính anh đảm thắm và trung thành. Một buổi tối, anh đã khóc lúc đi ngủ khi thấy mình mong Tristan không trở về và Susannah vì lý do nào đấy sẽ yêu anh. Thực ra, Alfred hơi quá chân thật, đặc điểm ấy làm sự nghiệp chính trị của anh biến đổi nhanh chóng. Ở Boston, anh bị tổn thương sâu sắc khi Susannah dường như chẳng chú ý gì đến anh bên bàn tiệc mừng gia đình đoàn tụ. Những ngày sau đó, trong một số cuộc dạo chơi tháng Tư qua Boston Common, cô tỏ ra thân thiện nhưng xa cách khi thấy anh có vẻ náo nức. Lúc chia tay, cô tặng anh cuốn thơ của Amy Lowell, với bản chất tế nhị anh không biết làm gì, nhưng lời đề tặng "Alfred thân mến nhất, anh là người đàn ông tốt bụng và đáng kính trọng. Thương mến, Susannah" làm tinh thần anh phấn chấn đến mức trong ngăn riêng trên chuyến tàu về nhà, anh mở bìa cuốn sách, ngửi dòng đề tặng của cô và run cả người khi nghĩ đã bắt được mùi hương của cô.

Chiếc thuyền buồm không hoàn toàn ra ngoài tầm nhìn của Dar es Salaam, lúc họ chất xong đồ bằng gỗ, Tristan bị bệnh lỵ nặng đến mức lả đi bên bánh lái. Giai đoạn đầu anh nằm lịm và sốt cao suốt một tuần, trong lúc sóng biển dâng cao đến mức Asgaard lo cho tính mệnh của cả con thuyền lẫn thuyền trưởng. Nếu Tristan và con thuyền không có một thể tạng gần như siêu nhiên, ắt cả hai đã phải nằm trần trụi dưới đáy Ấn Độ Dương. Cuối tuần lễ đầu tiên, cơn sốt chưa dứt hẳn nhưng đã giảm đến mức ít nhất Tristan cũng đi lại được trong cơn ác mộng vùng nhiệt đới. Trong những giấc mơ náo động, anh nhìn thấy cánh cổng địa ngục và muốn đi qua, nhưng chỉ mình Chúa biết và giữ anh lại và vào lúc nửa đêm, anh trần truồng vắt vẻo trên rầm néo buồm giống như một cái máng xối, bọt nước ấm áp của đại dương làm anh dịu đi: lát sau gã Mexico dùng cọc cắm thuyền đỡ anh xuống và đặt anh vào giường.

Với Tristan, Thần Chết đã ở trên boong và trong cabin anh uống rượu dù vẫn đang sốt, anh nghe thấy tiếng bước chân của họ.

Samuel cười vang và nói về thực vật học nhưng tuyết bám trên tóc anh, mái tóc trắng xoá của anh bay trong gió biển lúc họ đến gần Colombo ở Sri Lanka. Susannah xuất hiện với đôi cánh xanh biếc và One Stab hú gọi ở tận mũi tàu. Anh nghe thấy tiếng họ, thậm chí nhìn thấy họ qua những thanh gỗ tếch và gỗ sồi trắng. Anh không biết đây là giấc ngủ mê sảng hay lúc thức mê sảng, nhưng trong giấc mơ cả ngủ lẫn thức đều có những người bị săn đuổi. Một hôm lúc tảng sáng, Asgaard thấy anh ở bên dưới, trần truồng, ôm chặt một cái ngà voi to tướng vào ngực, xem xét gốc ngà vấy máu đã đen kịt lại và bốc mùi khủng khiếp. Tristan đang gắng lên boong và cố kéo cái ngà qua mạn tàu thì Asgaard giữ anh lại và nhốt anh vào cabin, cắt gã Mexico canh gác.

Trong cơn sốt, Tristan rơi vào tình trạng thêm khát bí ẩn nhưng anh không được chuẩn bị chu đáo cho nó: với anh mọi thứ trên cõi trần gian cả sống cũng như chết đều có tỷ lệ như nhau, anh không nhận ra bất cứ cảm giác có ý nghĩa nào trong bàn chân trần của anh ở cuối giường, hay đại dương ở dưới mũi ai, lúc nào cũng là đêm dù đang là giữa trưa, máu ở cuối cái ngà to tướng kia không là của con thuyền, nó chảy qua mạn thuyền rồi không biết vì sao trở lại đầu con voi. Susannah đến như một bóng ma gọi tình màu hồng nhạt, dạ con của cô phủ kín anh, nước mặn như đang phun ra từ rầm néo buồm cho đến lúc anh cũng thành bóng ma, và anh trở thành đại dương, bản thân Susannah, con ngựa đang nhảy chum bốn vó dưới người anh, cả một rừng ngựa biển dưới anh, gió xé toạc cả cánh buồm lẫn mặt trăng lơ lửng bên trên, và bóng tối len ở giữa thật nhẹ nhàng.

Anh hồi phục rất nhanh, đúng lúc họ đến lối vào eo Malacca và bơi trong làn gió nhẹ, thuận buồm tới Singapore. Ngà voi đem bán hạ giá trong một hội nghị trên thuyền, lò lãi không ít và các thương nhân Trung Hoa sợ bị giết nên canh chừng cuộc mặc cả. Tristan nằm dài, gầy gò như một sợi dây cáp vì đau ốm, nhưng đầy uy quyền. Anh đồng ý nhận với giá quá cao chở một hòm thuốc phiện đi San Francisco, có một trong các nhà buôn đi kèm. Asgaard tìm cách thoái thác nhưng đến bữa trưa Tristan chia đều lãi bán ngà voi cho toàn bộ thủy thủ, dành một phần đặc biệt cho ông nội là chủ

chiếc thuyền. Anh nói tiền lãi thuốc phiện cũng chia như thế và Asgaard mơ ước một nông trại nhỏ bên bờ biển Đan Mạch có thể dễ dàng thuộc về tay anh ta. Những anh chàng Cuba say sưa nghĩ gia đình họ sẽ sung sướng biết bao với sự giàu có mới mẻ này. Chỉ có Tristan và gã Mexico là vất vả, chẳng lo gì đến việc tiếp theo với đồng tiền trước họ, vì họ chẳng muốn dùng số tiền ấy mua gì; người ta đoán rằng gã Mexico nghĩ đến đất nước yêu quý và xa xôi mà gã không thể trở về mà không bị tội chết. Chỉ có Chúa mới biết Tristan muốn gì ngoài việc mong người chết sống lại: đầu óc anh đầy tàn tích của cuộc chém giết, một thành phố hoặc một khu rừng cháy trụi, một mô sẹo lạnh ngắt.

Chiếc thuyền buồm nhằm hướng bắc qua biển Nam Trung Hoa, đỗ ở Manila lấy nước ngọt và đồ tiếp tế. Người đi kèm thùng thuốc phiện rất sợ bến cảnh bãi ỏi này, nên Tristan phải cắt Asgaard và hai gã Cuba vũ trang súng trường trên boong. Sau đó, Tristan xuống cabin và viết một bức thư ngắn nhưng là đòn chí tử cho Susannah (Chồng cô đã chết hẳn rồi, xin đi lấy người khác) rồi lúc đi gửi bưu điện, anh và gã Mexico gặp viên thuyền trưởng một tàu nhanh chạy hơi nước họ đã gặp trong một cuộc nhậu nhẹt say sưa ở Manila. Trước lúc rạng động, trên đường về thuyền họ chạm trán bốn kẻ côn đồ gần vũng tàu đậu và có thể đã chết nếu gã Mexico không tước vũ khí một tên, trong lúc Tristan tấn công tên to lớn nhất. Gã Mexico chém phăng đầu tên đó bằng chính con dao của hắn, cứu Tristan đang bị bóp nghẹt cổ, làm những tên khác bỏ chạy tán loạn nhưng Tristan bị thương nặng vào chân, một nhát chém sâu qua một bên đầu gối cắt đứt gân. Gã Mexico buộc garô cho Tristan, và họ vừa hát inh ỏi vừa trở về xuồng rồi lảo đảo bơi về chỗ neo thuyền. Lúc họ đến Hawaii vết thương đã lành, nhưng từ đó trở đi Tristan đi khắp khiêng.

Trong sáu năm sau đó, ngoài tốp thủy thủ ở xa của anh, không ai biết nhiều về Tristan, trừ một vài chi tiết. Mọi người càng bức mình hơn vì sự kém cỏi của họ: chúng ta đã biết anh đến San Francisco, rồi nhằm hướng nam đến Panama, định qua con kênh mới đào nhưng trận lở đất ở Gaitland Cut đã tạm thời đóng con đường này, anh phải đi vòng Horn và đặt thêm một cái máy phụ chạy hơi nước

nhỏ ở Rio. Trong ba năm sau đó ở Caribbea, chiếc thuyền buồm là thuyền buồm tương đối ổn định, chạy từ Bermuda qua Martinique đến Cartagena. Tristan mua một nông trại nhỏ ở Isla Decker Pinos rồi lên đường đi Dakar, phiêu lưu chuyển nữa cho chính phủ Anh trong năm cuối cùng của cuộc chiến. Anh đi vòng mũi Hảo Vọng trở về Mombasa, đưa một phụ nữ Galla ra nước ngoài một tuần lễ, nhưng cô ta sợ con thuyền chòng chành và đòi lên bờ ở Zanzibar với một túi nhỏ đựng vàng. Anh lập lại việc chở ngà voi và thuốc phiện khi lại nhằm hướng đông đến Singapore, Manila, Hawaii và San Francisco, xuôi xuống qua kênh đào đã thông vào cuối năm 1921 rồi từ đấy trở về Havana, ở đó Asgaard và tốp thủy thủ còn lại chia tay với anh, trừ gã Mexico. Anh ở nông trại của mình vài tháng và lúc về Havana, anh biết tin ông nội anh mất từ năm năm trước, còn Ludlow bị đột quỵ, ông đang mong anh về nhà để có thể gặp nhau trước khi ông qua đời. Tristan và gã Mexico thuê một tốp thủy thủ khác rồi lên đường đi Vera Cruz, lúc này gã Mexico đã đủ tiền để tạo quyền lực riêng cho mình. Tristan để gã Mexico trông nom con thuyền buồm, anh cưới ngựa và đi tàu hoả lên miền bắc, đến nơi vào tháng Tư năm 1922, vẫn cháy nắng, khắp khiễng, lòng không yên ổn và nhìn đời bằng con mắt hờ hững nhất.

Chúng ta khó mà hiểu hết sự mẫn nguyện không nói nên lời của Ludlow trong một chiều tháng Tư ẩm áp, ông và One Stab ngồi ở ngoài hiên nghe nhạc từ chiếc radio, bỗng thấy con ngựa của Tristan vòng quanh đồng tuyết đang tan trên đường rồi té lên chui qua cổng. Tristan nhảy từ trên ngựa xuống và đỡ lấy người cha từ trên hiên lao vào vòng tay anh, anh nhắc đi nhắc lại với cha, nói mãi nhưng ông già lúc này đã thực sự không thốt nên lời vì cơn đột quỵ. One Stab ngược nhìn chăm chú và cảm nhận những giọt nước mắt đầu tiên của con người thô bạo đến thế lúc cảm nhận sự hài lòng của Ludlow. One Stab bắt đầu hát. Decker chạy từ bãi quây súc vật về, cả Tristan và Decker đều cố nhắc bỗng nhau lên. Nghe tiếng ồn ào, Pet từ trong bếp chạy ra và cố cúi chào vì Tristan đã ôm chầm lấy chị. Một cô gái trạc mười sáu tuổi có mớ tóc dài buộc túm kiểu đuôi ngựa, mặc quần áo nam giới, chạy vòng góc nhà xách bộ cương, nước da ngăm ngăm của cô sạm nắng gió nhưng không hẳn là

người da đỏ. Cô nhìn Tristan chăm chăm, anh bắt chợt cái nhìn của cô nhưng ngay lúc đó cô lảng đi ngay. Decker nói đấy là Isabel, con gái anh nhưng tính nó nhút nhát.

Pet giết và lột da một con cừu non, gầy một đồng lửa đằng sau bếp và quay cừu. Họ ngồi uống rượu trong hành lang, nhưng gần như lặng lẽ. Ludlow viết bằng phấn những câu hỏi lên tấm bảng đá đen. Tóc ông bạc trắng song dáng người vẫn thẳng. Decker ngoảnh nhìn vào nơi xa và giải thích với Tristan rằng mẹ anh đang ở Rome, rồi ngừng lại lưỡng lự, sau đó nói thêm rằng Alfred và Susannah đã lấy nhau cách đây một năm, họ đang du lịch tuần trăng mật kéo dài khắp châu Âu và sẽ ở Cap d'Antibes suốt mùa hè. Decker nhẹ cả người và uống một ngụm lớn khi Tristan có vẻ chẳng bận tâm. Tristan đi một vòng tròn trên bãi cỏ, nói anh muốn phi ngựa và hy vọng họ sẽ không quá say trong bữa trưa. Anh phi nước đại ngược thung lũng hẹp dẫn đến con suối trong hẻm núi. Lúc anh đến và xuống ngựa, vẫn còn dấu vết đồng tuyết phủ trên mộ Samuel, một con ác là bay vút khỏi tảng đá. Anh ngắm những họa tiết vô hình mà con chim tạo thành lúc bay vút lên trong không khí, đến tận mỏm hẻm núi trên đầu anh. Anh thấy mình chẳng làm được điều gì tốt lành cho thế giới bên kia vì nắm mồ dưới chân anh chỉ là tuyết, đất, và một tấm bia đá xám xỉn vì thời tiết. Trên đường về nhà, anh ngắm Isabel đang chải lông cho ba con ngựa non dưới ánh mặt trời. Decker gọi cô là Isabel Hai để khỏi nhầm với mẹ của Tristan. Anh hỏi cô gái con lửng đâu, cô nói con vật đã mất tích nhưng con cái nó vẫn sống ở đằng sau vườn quả. Cô dẫn Tristan vào chuồng ngựa và chỉ cho anh xem con cún Airedale ông Ludlow đã mua tặng sinh nhật cô. Dù mới mười tuần tuổi, con chó sấn đến cắn Tristan và anh vỗ vỗ nó cho dịu dần, cho đến lúc nó nhay nhay tai anh. Rồi anh nhìn cô gái thân mật làm cô đỏ bừng mặt và nhìn xuống chân.

Đến bữa trưa, Ludlow cắt thịt cừu một cách trịnh trọng rồi viết lên bảng "Kể chuyện cho chúng ta nghe" và đưa cho Tristan. Lạ lùng thay, và giống như bất cứ những người phiêu lưu chẳng phải vì thích mạo hiểm mà chỉ vì sự thôi thúc của cả thể xác lẫn tâm hồn, Tristan chẳng thấy gì quá ư đặc biệt trong bảy năm qua của anh. Nhưng anh có một ý nghĩ hoàn toàn quái gở về những điều cả bàn

muốn nghe nên anh kể cho cha việc chặt đầu tên Phillipinnes; trận bão lớn ở ngoài khơi quần đảo Marshall; con rắn cuộn mỗi anh mua trong lúc say rượu ở Ricife, có thể cuộn quanh cột buồm chặt đến mức không thể gỡ ra, cho đến lúc họ phải đưa một con lợn con đến dúi; vẻ đẹp của mấy con ngựa anh đã để lại cho tốp thủy thủ của anh chăm nom ở Cuba; dân Singapore ăn thịt chó ra sao làm mọi người ngồi quanh bàn sửng sốt trừ One Stab, lão hỏi thăm Tristan về châu Phi. Sau bữa trưa, anh phát quà để trong túi yên: anh đeo quanh cổ One Stab chuỗi vòng bằng răng sư tử, chỉ mấy ngày sau lão đã phi ngựa ba ngày liền tới Fort Benton để khoe chuỗi vòng với Người Nhìn Tinh Như Chim. Tristan hấp tấp đưa chiếc nhẫn gắn hồng ngọc định tặng mẹ cho Hai, anh đeo vào ngón tay đeo nhẫn của cô và hôn lên trán cô. Cả bàn ăn lặng ngắt và Pet định can nhưng Decker bảo chị thôi đi.

Đêm khuya hôm ấy, lúc mọi người đã đi ngủ, Tristan lang thang mãi trên đồng cỏ dưới ánh trăng: tuyết loang lổ thành những mảng trắng quái gở và xa tít về phía tây, anh có thể nhìn thấy những ngọn núi trắng hơn của dãy Rockies. Anh lắng nghe tiếng sói tru, tiếng lách cách lúc truy đuổi và thỉnh thoảng một tiếng hú ngắn. Nghe thấy tiếng con cún con sữa ăng ăng ở đằng sau gần bãi quây, anh vào chuồng ngựa và bế nó lên. Anh mang nó vào trong nhà rồi đưa vào phòng riêng, đặt nó lên tấm da la và quây cho nó một cái ổ bằng chăn bông chống lại cái rét ban đêm. Sau đó Tristan ngủ cho đến nửa đêm, lúc con cún rên rĩ và trong ánh trăng tràn qua cửa sổ, anh thấy Hai đang đứng ở chân giường. Anh nhoài ra nắm lấy tay cô và lát sau, cô hoà vào giấc ngủ say sưa, không mộng mị của anh. Cuối cùng thì những nỗi đau gây ra cho nhau và mọi sự lẻ loi đang biến dần khỏi cõi đời.

Cuộc đời Tristan dường như chuyển động theo thời gian với số gia của số bảy: lúc này anh đã có bảy năm từng trải, một giai đoạn có một không hai và quý báu của đời anh, để rồi trong tương lai anh sẽ trở lại khoảnh khắc này; những chi tiết vụn vặt của cuốn sách được lật giở với sự háo hức nhất đỉnh. Không có thái độ cô lập, và điều cao quý hơn là những người anh yêu thương, nhưng họ chỉ hiểu thấu đáo khi anh đã ra đi, những người đã đưa anh đến chân lý

và tình cảm ấm áp; Trong buổi sáng đầu tiên ấy, anh có thể nhìn thấy họ rõ ràng từ cửa sổ sau khi Hai chui vội vào chiếc áo choàng ngủ và hôn anh rồi ra khỏi phòng. Lúc đầu có tiếng huyền nao khó xác định ở mãi trong đồng cỏ, chứng tỏ chiếc Ford cũ kỹ đang xóc nảy trên những hòn đá và chạy qua lớp bùn thành những vòng lớn, One Stab ngồi ở tay lái và Ludlow mặc áo khoác bằng da bò rừng ngồi thẳng người cạnh lão. Decker dựa vào chuồng ngựa, đội chiếc mũ len Irish, một làn khói sớm trong khoảng ánh sáng mặt trời và tiếng cọ mũi sột soạt của con bò đực Hereford qua các thanh hàng rào, Pet vừa rắc thóc cho gà và mấy con ngỗng, vừa xùy xùy đuổi con cún đang chạy theo đàn gà. Lúc anh xuống ăn sáng, cái bếp lò đun củi ấm áp và ánh mặt trời tuôn chảy qua cửa sổ hướng nam cho thấy phong cảnh của thung lũng. Hai rót cà phê cho Tristan, anh nhìn vào cái bát sành đựng cá trích là món Roscoe Decker rất mê và lấy một miếng với hành dầm. Hai dọn cá hồi rán mà One Stab mới đánh lúc tảng sáng cho anh. Lúc cô rửa bát đĩa, Tristan nhìn chằm chặp vào lưng cô và mớ tóc ten bóng tết một cái đuôi sam. Anh nhắm mắt lại và trong giây lát, sàn nhà trong tranh bên dưới anh như biển cả, anh như người thấy không khí trong lành của biển khơi lúc thủy triều phương bắc xuống thấp. Anh mở mắt và mỉm cười hỏi Hai có đồng ý lấy anh không, như thế sẽ tránh được chuyện chướng tai gai mắt trong nhà vì những chuyến đến thăm ban đêm. Cô lau khô tay và cầm chiếc nhẫn hồng ngọc trên bậu cửa sổ như đang giữ cốc rượu lễ và đáp vâng, nếu bản thân anh tin chắc, và nếu anh chưa tin chắc cũng vâng.

Đám cưới tổ chức trọng thể vào đầu tháng Mười, hoãn lại để chờ Isabel kịp về từ châu Âu và do Pet cố nài, vì sợ Tristan sẽ bất chợt bỏ đi bất cứ lúc nào anh thích, ý nghĩ ấy khác xa với suy nghĩ của anh. Tristan đã mất cả mùa hè xây một nhà nghỉ trên hẻm núi, nhìn xuống dòng suối. Một tốp thợ mộc Na Uy từ Spokane đến cùng ba thợ xây đá Italy từ Butte. Căn nhà thiết kế giản dị, có một phòng chính đồ sộ, căn bếp và lò sưởi ở một đầu, đầu kia là một lò sưởi bằng đá cạnh tường. Có hai chái nhà, mỗi chái có ba buồng ngủ. Hai rất lúng túng vì quy mô nơi này, One Stab và Ludlow ngày nào cũng đi chiếc ô tô rẽ tiền đến thăm và mang bữa trưa cho công

nhân. Ludlow đã viết được những bức thư hơi dài, đầy thuyết phục và cứ sau bữa tối, Tristan lại trả lời bên lò sưởi.

Ở Montana, cuộc khủng hoảng đến sớm mười năm. Tại các vùng đồng bằng phía đông, thị trường ngũ cốc phát đạt nhờ ảnh hưởng của chiến tranh, nay suy sụp hoàn toàn vì bị hạn hán hai năm liền. Nhiều ngân hàng phá sản và thị trường ngựa lạ phát vì sự hăng hái nhập ngũ đã giảm. Decker đã giảm số gia súc đăng ký ở Herefords, nhưng thu nhập duy nhất của nông trại từ ngựa giống vẫn phải cậy nhờ vào những người như Arthur Thịt chó, loan tin Decker gây giống ngựa thuần chủng. Lứa con cháu không khỏe mạnh và sung sức như ngựa đua nhưng là loại ngựa thanh nhã và cưỡi rất thích, mặt chúng đẹp và đầy khí thế. Chúng chạy rất nhanh trong cuộc đua một phần tư dặm, Tristan và Decker đem chúng đua ở chợ phiên Montana, Idaho, Washington và Oregon. Với số tiền được cuộc, Tristan mua cho Ludlow chiếc ô tô du lịch Packard mà One Stab lái rất đường hoàng và cẩn thận, lão vẫn đeo chuỗi vòng răng sư tử. Người từ các nơi xa như San Antonio, Kingsville, Texas đến mua ngựa nhiều đến mức Decker Ludlow đâm lưỡng lự, nhưng Tristan giải quyết công việc rất khôn ngoan.

Lễ cưới mùa thu đã trở thành kỷ niệm, vắng mặt Alfred và Susannah. Thực ra, Tristan gặp Susannah từ bốn năm trước, trong bữa tiệc Giáng sinh tao nhã song vui nhộn. Thỉnh thoảng Alfred đến, mỗi khi có cuộc vận động trong khu vực của Thượng viện Mỹ, một cuộc đua mà anh chiến thắng ngon lành nhờ kết bạc và ảnh hưởng của bố vợ. Không người nào - ngoài Pet và Hai - nhìn thấy nỗi sầu khổ của Susannah trong lễ Giáng sinh năm ấy. Cô vẫn không có con và khi các con của Tristan là Samuel Decker và Isabel Ba vuốt ve mái tóc vàng óng của cô trong hiên nhà, cô đã bật khóc.

Nền kinh tế quốc gia ngày càng phát sinh nhiều vấn đề theo lời khuyên của Arthur, Ludlow rút dần vốn khỏi ngân hàng Helena vì thiếu suy nghĩ, ông đem chôn vàng dưới một tảng đá lớn ở nền lò sưởi nhà Tristan. Tristan một mực đòi tự trang trải cho nông trại, một thói quen tuy ngạo mạn song dễ thương. Anh vẫn gửi thông báo đúng thể thức và tiền cho Susannah và cha cô, vì quyền sử dụng đất đai mà họ cùng sở hữu.

Chú Thích:

(1) *Nez Percé*: một nhánh của người da đỏ Mỹ ở Idaho, Washington và Oregon.

Chương III

Tristan lại bị đoạ đày lần nữa vì chuyển đi đến Great Plains với Hai và những người làm trong nông trại, đưa một tốp bò đực non mùa thu đến ga đầu mối (có quá ít điều để nói về hạnh phúc, bản thân hạnh phúc vốn là sự yên bình, xúc cảm kín đáo, là trạng thái chấp nhận một tấm lòng thư thái nhưng tâm trí luôn day dứt). Chuyển đi thật thích thú, không ít niềm vui vì hầu như đều theo lối cổ. Đã vào tháng Mười và thị trường cổ phiếu các loại vừa sụt giá. Nhưng Tristan xoay được ít tiền mặt mua gia súc và tất cả bọn - Hai, Tristan, Decker, một người Cree lai đen, một người Na Uy còn lại trong nhóm thợ mộc từ nhiều năm trước - lưu lại vui chơi sau một mùa hè gian khổ, nóng nực. Họ ăn một bữa tuyệt ngon trong thành phố và uống nhiều rượu, nhưng bị một tốp ở nông trại lân cận ăn mặc lộng lẫy và giàu sang kích rằng họ giàu lên nhờ buôn lậu rượu từ Canada, bất chấp Luật Cấm rượu.

Ngày hôm sau, One Stab lái chiếc Packard đưa Hai về nhà cùng những thứ cô mua sắm, nên Tristan nói với người cầm đầu tốp buôn lậu là sẽ nhận mười hòm whiskey để dùng và bán cho hàng xóm. Anh bảo những người làm là sẽ chia lãi và đang say, họ thích thú thấy kiếm tiền dễ dàng, lại đặt thêm whiskey rồi chất vào sọt trên lưng lừa ngựa thô.

Họ đi thành một hàng kỳ cục xuống hẻm núi hẹp vào thung lũng gần Choteau, đoàn ngựa đi sau chiếc Packard bị Samuel lầy không xa lắm và đi chậm chạp trong màn mưa tháng Mười. Lúc đến miệng hẻm núi, gần chỗ con đường rẽ hướng bắc đến Choteau, hai cảnh sát có vũ trang và một chiếc ô tô Ford chắn ngang đường. Họ bắn vu vơ vào không trung như cho biết đây là Cảnh sát Liên bang. Cả đoàn dừng lại, vẫn đang trong tâm trạng vui vẻ. Viên Cảnh sát Liên bang nói họ đã được báo về chuyển hàng và Tristan phải nộp chỗ whiskey. Họ nhận ra Tristan và xin lỗi lúc nói anh sẽ phải nộp phạt vào tháng Mười một ở Helena, nhưng họ phải huỷ số rượu này. Tristan quay ngoắt khỏi viên cảnh sát lúc nghe tiếng One Stab kêu

thất thanh. Anh đến bên chiếc Packard, nhìn vào mặt One Stab rồi nhìn Hai ngồi ở ghế sau với đồng đồ đạc và quà. Cô ngồi như tạc bằng đá, một viên đạn bắn thia lia từ vách núi găm gọn vào trán như một đồng xu đỏ tươi.

Tristan nổi khùng, giật phắt lấy khẩu súng rồi quật vào từng viên cảnh sát đang hoảng hốt, làm một trong hai người gần chết trong nhiều tháng. Anh kéo xác Hai khỏi chiếc Packard và chạy xuống hẻm núi. Cả đoàn theo sau lúc Tristan bế cái xác đi nhiều dặm đường dưới trời mưa lạnh lẽo. Anh mang cái xác, thỉnh thoảng lại hú lên bằng thứ ngôn ngữ chẳng ai hiểu trên đời.

Ba ngày sau, cảnh sát trưởng đến nhà Ludlow nói Tristan bị phạt giam ba chục ngày ở Helena vì tội nghiêm trọng đã đập vỡ sọ một trong các cảnh sát liên bang. Bản án thật nhẹ, nhờ ảnh hưởng lớn lao của Alfred trên chính trường Montana. Pet nói xen vào, báo tin Isabel Ba đã đi đâu mất. Tristan phi ngựa suốt mười hai dặm, cho đến lúc tìm thấy cô bé trong rừng gần dòng suối. One Stab đang ngân nga một bài hát tang của người Cheyenne và cô bé hoà theo, giọng cao vút và ai oán đến mức trái tim Tristan muốn vỡ làm đôi. Anh nhấc tấm thân bé bỏng của con gái lên yên và mang nó về nhà.

Những người cao tuổi trong vùng vẫn tranh cãi rằng hoặc vì rượu, vì tù đầy hoặc nỗi đau đớn, hay đơn giản vì tính tham lam Tristan trở thành kẻ sống ngoài vòng pháp luật, nhưng đây chỉ là chuyện phiếm làm mồi cho những lúc rượu chè của người về hưu và thích thú thấy bốn mươi năm sau, Tristan vẫn là một đề tài hấp dẫn, dấu chỉ là kẻ sống ngoài vòng pháp luật cuối cùng chứ không phải là một kẻ cướp.

Nói tóm lại, sau khi tìm thấy cô bé Ba lên sáu bên dòng suối, đang hát cùng One Stab, Tristan trở nên lạnh lẽo trong nhiều tháng, ngoại trừ với các con. Anh câm lặng trong nhà tù, từ chối mọi khách đến thăm kể cả Alfred, anh mang đến thư chia buồn của Susannah. Báo chí Helena đăng lên trang nhất cuộc gặp dưới đầu đề "Thượng nghị sĩ thăm hỏi người em trai tang tóc trong tù".

Thực ra, Alfred hy vọng an ủi và can thiệp cho Tristan. Anh đến nông trại ngay sau hôm đưa đám, chỉ vài giờ sau khi cảnh sát

trưởng áp giải Tristan đến nhà giam. Ludlow ở lì trong phòng và không chịu gặp người con cả. Ông bảo Pet mang tám bảng xuống hành lang, viết rằng ông sẽ không nói chuyện với Alfred chừng nào anh còn đại diện cho chính quyền Mỹ và các thủ tục của chính quyền.

Ludlow thực sự coi Hai như con gái và yêu thương cô như con gái. Nhiều năm trước, ông đã vui lòng dạy cô đọc và viết, không ngớt cho cô quà cáp làm Pet và Decker lo ngay ngáy làm hồng cô bé. Chính Ludlow viết thư cho Isabel và bảo bà mang về cho Hai bộ áo cưới lộng lẫy nhất, đắt tiền hết mức. Giờ đây, lúc đi thăm mộ cùng One Stab trên chiếc ô tô cũ kỹ, ông cảm thấy đặng đặng hơn cả bảy năm năm của ông khi nghĩ đến một ngày tháng Mười khác, ông tiễn các con ra trận, và buổi trưa tháng Mười tuyệt đẹp bảy năm sau, Tristan và Hai làm lễ thành hôn trong khu rừng nhỏ toàn cây bông. Hôm ấy, mặt trời chiếu lấp lánh trên chiếc áo dài cưới trắng muốt, tương phản với sắc màu lộng lẫy của mùa thu, với cỏ đã héo và những cây dương vàng óng. Hai cái chết của những người yêu quý trong có mười bốn năm chưa phải là ngoại lệ khác thường với người khóc thuê đã mất hết mọi cảm giác về sự khác thường và thông thường, vì còn mãi nghĩ đến những thứ còn lại, làm thế nào để có thể lấy được.

Alfred trở về Washington, đi một chuyến dài bằng tàu hỏa, xao động không sao ngủ được. Về mặt chính trị, anh thấy Prohibition⁽¹⁾ là vô nghĩa, nó chỉ càng đẩy mạnh những thích thú tội lỗi, và trong những năm suy tàn của Luật này càng thể hiện rõ hơn. Với Alfred, cha anh lúc nào cũng là một người anh hùng. Anh thích trích dẫn ông già tao nhã của vùng biên giới trong các bài diễn văn với Thượng viện, dù chắc chắn là Ludlow không nghĩ như thế về bản thân. Những quan niệm phổ biến mà ngó ngàng về cơ bản như "người chăn bò" hoặc "người ở vùng biên giới" hay bản thân Luật Cấm rượu đều là sự kế thừa thực tế trong những giai đoạn tự khen của lịch sử, khi những hoạt động tích cực trở thành chiêu bài và trật tự xã hội.

Sự khó xử của Alfred càng trở nên sâu sắc về bản chất, hơn là những quan điểm chính trị và một người cha đang giận ghét. Thực

ra Susannah rất bất hạnh, cô luôn là người không may trong cách cư xử lặng lẽ, không rõ ràng. Những đòi hỏi của xã hội Washington với vợ của một thượng nghị sĩ càng làm những khó khăn của cô trầm trọng thêm. Alfred đã mua một nhà nghỉ nông thôn có chuồng ngựa ngoài trời ở Maryland, cho nhiều ngựa đua của bố vợ ở tạm. Susannah ở đây phần lớn thời gian, một bác sĩ tâm thần người Do Thái Pháp từ Johns Hopkins đến thăm mỗi tuần hai lần. Bác sĩ đã thề kín mồm kín miệng, vì có một người vợ điên là trở ngại lớn cho những hoạt động chính trị. Yêu thương đến mù quáng, Alfred không chịu thừa nhận tình hình đã đến lúc nghiêm trọng. Nhiều năm về trước, một buổi chiều lúc đang đi ô tô từ Vallauris đến Nice để đáp tầu thủy về nhà, Susannah nhất quyết bắt lái xe dừng lại, họ đi bộ lên triền đồi có nhiều cây và làm tình. Cô có vẻ hạnh phúc trong nhiều tuần dù thỉnh thoảng lại lên cơn khóc lóc. Bất chấp điều đó, Alfred thấy chưa bao giờ anh hạnh phúc tốt cùng đến thế, nhưng Susannah lại rơi vào tình trạng dần vật ghê gớm, suốt hai tuần trong chuyến về New York cô không chịu rời khỏi cabin. Về ở nông thôn và có giải thoát khỏi mọi sức ép của Washington có vẻ là một lối thoát.

Trong suốt chín năm chung sống, có những giai đoạn phải gọi là điên rồ ở các mức độ nghiêm trọng khác nhau. Bác sĩ tâm thần không phấn khởi dù trong mấy năm qua, Susannah là bệnh nhân được ông quý chuộng nhất. Ông ép Susannah tham gia hoạt động ở chuồng ngựa đua, vì hiểu rằng bận bịu với súc vật sẽ làm bệnh nhân dịu lại, những con ngựa có vẻ tử tế sẽ xoa nhòa những tổn thương dù chỉ là tạm thời.

Nhiều tuần sau khi từ Montana trở về, Alfred như rơi vào địa ngục. Susannah lên tới đỉnh cao của giai đoạn hưng phấn, mọi thứ trên đời đều trở nên qua sống động không thể chịu nổi: cô có thể nhìn thấy quả tim của con ngựa qua lớp da, các cơ và xương, mặt trăng ở ngay sát bên ngoài cửa sổ; cô cắt những bông hoa tàn trong bình và kính hải, đòi phải úp những bức tranh nào đó của Pháp vào tường; cô xác nhận không có con chẳng phải là việc gì to tát, sao cô cứ vất vả cố một đứa làm gì, và việc Tristan không trả lời bức thư chia buồn của cô như một cái đòn bẩy đẩy cô rơi vào trầm cảm.

Đến tháng Tư, Alfred trở lại miền Tây, bề ngoài là thăm hỏi các cử tri. Anh mua một ngôi nhà lớn ở Helena, nghĩ rằng nếu Susannah sống ở Montana suốt mùa hè thì đây có thể là lối thoát. Isabel sẽ ở đây, cả Tristan và Pet có thể chịu được Susannah, lại có thêm Ba và Samuel đỡ đàn. Lúc lái xe qua bãi rào lầy bùn gần Choteau, tấm lòng luôn lạc quan của Alfred nhẹ nhõm vì nhiều dự định và vì vẻ đẹp của nông trại.

Tristan và Decker ở ngoài nhà kho, đang đóng khung các bộ yên thờ trong lúc Ludlow và One Stab vừa hút tẩu vừa quan sát. Lúc Alfred ra khỏi xe, Ludlow lọt qua hàng rào và đi ra mãi ngoài đồng cỏ, One Stab theo sau. Tristan, Decker và Alfred nhìn Ludlow vòng quanh những dòng tuyết đang tan như thể ông định đi đến tận cùng thế giới. Nước mắt chảy dài trên má Alfred và Tristan nắm lấy cánh tay anh. Alfred muốn xin cha tha thứ, nhưng Tristan là người thực tế, anh chỉ nói:

– Tha thứ cái gì, anh đâu có bắn vợ tôi!

Decker ngồi trên cái giá cửa nhìn Alfred và Tristan đi vào đồng cỏ sau hình dáng xa dần của Ludlow và One Stab. Vốn là người Bắc Âu rắn rỏi hơn, Decker đau buồn nhưng không yếu đuối. (Decker đã đợi ba năm cho đến cuộc bán đấu giá gia súc ở Bozeman, anh mới có dịp bắn một trong những cảnh sát trên đường từ Bozeman đến Livingston, con đường mà cảnh sát đi lại hàng ngày. Ngồi trên một tảng đá trên cao, giữa những cây thông um tùm, khẩu 270 trên lòng, anh bắn phát đầu tiên thủng lớp xe, và lúc viên cảnh sát ra khỏi xe, Decker bắn liền mười phát hết sức hả hê. Một cảnh sát liên bang khác phải chuyển sang miền Đông và Decker đành hài lòng giết được một tên).

Đến nửa đường vào đồng cỏ, Alfred đứng lại và nói một thôi một hồi, giải thích rằng Tristan phải viết thư cho Susannah, làm dịu mặc cảm tội lỗi méo mó của cô. Tristan gật đầu thông cảm với anh trai. Lúc họ đuổi kịp Ludlow, ông mệt lử dựa vào tảng đá òn, One Stab lách ra khỏi tầm nghe. Tristan nắm lấy cánh tay cha và xin ông tha thứ cho Alfred, anh là con trai ông chứ không phải chính phủ. Ludlow run rẩy vì rét và nhìn Alfred trừng trừng, cặp mắt nghiêm khắc nhưng giàn giụa nước, ông gật đầu với Tristan và ngoảnh đi.

Vì không có tấm bảng đen, ông chỉ ôm lấy Alfred và bắt đầu quay về nhà.

Sáng hôm sau lúc Alfred ra đi, anh cảm thấy thanh thoi và phần chần dù trời đang mưa. Anh đã được tha thứ và họ có một buổi tối dễ chịu, các con của Tristan ngồi trong lòng Alfred lúc anh kể cho chúng nghe những chuyện sinh hoạt ở các thành phố lớn miền Đông. Anh dừng lại trên đường ra đường cái, để một đoàn ngựa thồ và la do hai người làm lừa qua, anh nhận ra một người Cree lai đen và một người thợ mộc Na Uy. Anh vẫn vợ tự hỏi sao Tristan lại muốn có nhiều đàn gia súc đến thế.

Đầu tháng Năm, khi biết chắc mùa xuân đã hết, những cơn dông bão trên núi sẽ ngắn và thất thường, Người Nhìn Tinh Như Chim từ Fort Benton xuống, dẫn Tristan, Decker, gã Na Uy và gã Cree từ Choteau ngược lên qua Valier và Cut Bank đến Cardston ở Alberta, ở đây họ chất lên năm chục con ngựa thồ mỗi con bốn thùng *whiskey*, tắt đường về Shelby và Conrad đến Great Falls; Tristan đẩy hết chỗ *whiskey* được sáu ngàn đôla. Lợi nhuận kén sù nhờ *whiskey* là rượu Canada loại nhất, không pha loại rượu mạnh chống hại dạ dày của tầng lớp lao động, và do những kẻ buôn lậu ngày càng hối lộ nhiều hơn. Một nguyên nhân nữa đem lại lãi lớn là rất ít đường lên phía bắc Montana, làm nó thành một vùng cảnh sát tương đối nói tay. Người Nhìn Tinh Như Chim được One Stab bảo lãnh, lão đang buồn vì Tristan nhất quyết bắt lão ở nhà trông nom Ludlow và nông trại.

Thật không may, Tristan không thoả mãn. Anh không nhận thức được điều đó, anh hy vọng ít gặp phải sự đối kháng nhất định. Hồi đó Decker đã can giám anh nên nghĩ đến các con và đến một thực tế là số dân ít ỏi ở Montana rất cuộc sẽ bị bắt như bởn. Tristan đồng ý, tuy cơn giận ngầm ngấm của Decker lớn đến mức có nói ra những lời ngăn cản chẳng qua vì Pet một mực lo sợ cho các cháu. Tristan làm thêm chuyến nữa vào giữa hè và lúc họ về đến nhà, One Stab nói Pet đã biến mất cùng hai đứa cháu. One Stab nói lẽ ra lão phải đi theo, nhưng Ludlow bị ốm. Thế là Tristan và Decker lao tuốt lên Fort Benton trong chiếc Packard có một lỗ thùng ở ghế sau và đưa Pet cùng lũ trẻ về nhà.

Rồi Tristan sẽ bỏ, sau khi đánh điện cho gã Mexico ở Vera Cruz đưa chiếc thuyền buồm đến San Francisco vào mùa xuân tới. Còn kiếm tiền lần nữa chứ. Isabel đã đến miền Tây suốt mùa hè để giúp Susannah ổn định, trong ngôi nhà thích hợp với một thượng nghị sĩ ở Helena. Isabel cùng các cháu nội và Pet xuống đây một tháng, sức khoẻ lung lay của Susannah khá lên rất nhiều, cô chăm sóc họ, đáp lại cả Ba và Samuel rất yêu quý cô. Không ai biết rằng sự khoẻ mạnh bề ngoài của Susannah phần lớn dựa vào những nhận thức sai lầm, mong manh. Khi Tristan trả lời thư cô do Alfred một mực yêu cầu, anh nhấn mạnh quá nhiều đến thực tế là số phận đã chia lìa họ và bất chấp những gì đã xảy ra, họ phải sống mãi với nó như một ơn huệ. Bức thư thật ác nghiệt dù không chủ tâm, dù sao chẳng nữa nó cũng làm Susannah quá sống động, méo mó, lộn ngược, để ngày tháng của cô là một chuỗi các sự kiện tinh tế. Alfred dự định tổ chức một bữa dạ tiệc lớn, mời tất cả các chính khách và bạn bè thân hữu ở Montana, có Isabel là chuyên gia trong lĩnh vực này giúp đỡ.

Tristan xuống Helena gặp đại diện của một người chưng cất rượu Canada anh đã gặp ở Cardston. Người này thảo luận với Tristan về những rắc rối do một băng đảng gọi là băng Irish ở Seattle gây ra, rõ ràng là chúng nắm quyền kiểm soát việc buôn bán rượu ở vùng Tây Bắc và California. Những khách hàng đòi hỏi khắt khe ở San Francisco không thể có *whiskey* loại nhất ưa thích của họ. Hai người đã ngập ngừng thoả thuận rằng Tristan sẽ dùng thuyền buồm chở hàng từ đảo Vancouver đến San Francisco và Tristan dành cả ngày đẹp trời này ở Helena bắt tay vào phi vụ quá đắt giá này. Anh mang theo năm thùng Haig&Haig làm quà biếu Alfred tuy anh đã khước từ đến dự tiệc. Anh luôn bị những người bạn bè ngoài rất quan trọng mà Alfred đưa đến nông trại trong mùa săn bắn loại ra: họ đánh bài và uống rượu thâu đêm, dậy muộn và được hưởng một số ngoại lệ. Vùng Cree cho họ săn bắn thoả thích nai sừng tấm và hươu, tuy vậy Tristan không chịu hợp tác nữa sau khi một người giàu có chuyên bán đồ lót nam giới bắn chết một con gấu xám đang ngủ trên triền đồi.

Sau cuộc gặp mặt, Tristan lái xe vòng quanh toà nhà lộng lẫy thời Victoria của Alfred cho đến lúc tìm ra lối cổng sau. Anh định vào chào mẹ, đưa số *whiskey* và bằng mọi cách tránh mặt Susannah rồi trở về nông trại. Helena luôn làm anh mệt mỏi, gượng gạo, tất cả những người đàn ông lang thang quanh quần đều có vẻ dính líu một cách đáng ngờ tuy không nói ra đến một tháng lao tù lạnh lẽo của anh, hồi đó cổ họng và lồng ngực anh không ngừng đau thắt, nghẹn ngào vì những hồi nhớ về Hai. Ngay cả sau khi sinh con, cô vẫn nhảy phắt lên ngựa không cần dùng bàn đạp, và khi phi trên con ngựa lang thiển cứng cáp, mớ tóc cô tung bay về phía sau như bờm một con thú hoang dã. Tristan có những quan niệm rõ ràng, đơn giản về sự báo thù và có lẽ nỗi đau đã thành thô ráp, đầu độc anh đến mức anh biết không có bàn thắng lúc xế chiều với đời, vì dù có trả được mối thù, anh cũng không thể tái tạo được người phụ nữ hứng mưa trút tưới bời, cho đến lúc mái tóc dài đen mượt của cô nhún nhảy đập vào chân anh.

Người đàn ông đã bị định mệnh biến thành kẻ hiếu chiến này bước vào nhà bếp của anh trai, thấy Susannah đang cười và chuyện trò với Samuel và Ba. Anh chào rồi ôm ghì lấy các con, sau đó bọn trẻ chạy tuốt đến giúp bà nội treo rèm trang trí cho bữa tiệc. Susannah và Tristan ngồi đó, bứt rứt đến nỗi dường như nhà bếp sắp nổ tung. Susannah hơi dối trá nói với cô nằm mơ thấy cô thành mẹ của Samuel và Ba, nhưng Tristan lắc đầu bảo "đừng" và cô đứng dậy, hai bàn tay đan lại như thể kéo đôi vai vào với nhau. Cô rời khỏi bàn vào phòng để bát đĩa. Tristan ngồi lại, toát mồ hôi trong tiết tháng Tám nóng nực, rồi cô gọi tên anh, giọng cô trong trẻo, dịu dàng. Anh úp chặt hai bàn tay lên mặt rồi bước vào phòng đó, thấy Susannah đứng trần truồng, cặp mắt lấp lánh, mái tóc buông xoã quanh vai, quần áo tụt bên chân cô. Anh đóng cửa phòng và cố làm cô bình tĩnh lại, rồi đấm đuổi không hề lưỡng lự khi cô nói nếu anh không làm tình với cô, cô sẽ hét lên và kêu la cho đến lúc chết. Họ chìm vào vòng tay nhau, da dẻ họ dán chặt xuống sàn nhà lát gạch mát mẻ.

Sau khi Tristan ra về, Susannah lấy kéo cắt phăng mái tóc và ở lì trong phòng riêng suốt bữa tiệc, có bác sĩ và các y tá chăm sóc.

Sớm hôm sau, Susannah được đưa đến Choteau cùng bác sĩ, Isabel, Pet và bọn trẻ. Họ đi hai chiếc ô tô và Alfred quần trí nhưng ân cần, rõ ràng là chẳng hay biết gì. Lúc họ đến nơi, Tristan đưa bọn trẻ lên lều săn trên núi vài ngày, anh đã dựng cái lều đó cách nhà vài chục dặm.

Nhưng lúc anh trở về, Susannah lại sôi nổi và duyên dáng, ai cũng nhẹ cả người, rồi Alfred đến Helena vài ngày vì công việc chính trị. Tristan đi vắng trọn một tuần, đến San Francisco gặp gã Mexico và chiếc thuyền. Anh giữ ít thủy thủ, chỉ mang gã Cree và Na Uy theo vì anh tin cậy họ.

Lúc ấy là đầu tháng Chín, một đợt rét ngắn kéo dài hai ngày, rắc tuyết lên các ngọn đồi thấp và đến giữa buổi sáng đã tan chảy giữa các cây dương. Tristan ngồi một mình trong nhà nghỉ, sau khi One Stab và Ludlow đưa bọn trẻ xuống ăn trưa với Isabel. Vừa đẩy thanh củi đang cháy âm ỉ vào lò, anh vừa chán chường nghĩ đến sự phản bội của anh với anh trai, đến hoàn cảnh bế tắc này. Tristan không mấy may trách cứ Susannah vì nhận thức được rằng cô chịu trách nhiệm rất ít về việc làm một cách định kỳ, chẳng khác gì đứa con bé nhất của anh. Tim anh nhói đau vì sự nhầm lẫn và đau đớn anh đã gây ra trên đời. Anh rót một cốc *whiskey* và bắt tay vào chuẩn bị hành lý đi San Francisco sớm, biết rằng ở xa Susannah là hay nhất, và chỉ sợ cô suy sụp lần nữa.

Tristan đóng gói rất nhanh, dọn dò Decker chỗ anh giấu tiền, phòng khi anh không trở về. Nhưng lúc anh vào phòng chính đã thấy Susannah đang ngồi trên đi văng trước lò sưởi. Anh gọi tên cô nhưng cô không trả lời. Anh đến bên đi văng, nhìn ngọn lửa rồi nhìn xuống mái tóc ngắn và quần áo ướt nước mưa của cô. Susannah nói khẽ và rõ ràng, hỏi anh có thể tha thứ được vì cô yêu anh tha thiết và biết đã có thời anh cũng yêu cô, nhưng cũng hiểu chuyện ấy là không đúng đắn nên cô sẽ đổ vỡ tan tành nếu lại cùng anh lần nữa trong đời. Cô khó ở và dày vò mọi người khổ sở, nên khi mọi việc sắp xếp xong xuôi, Susannah và Alfred sẽ trở lại miền Đông, cô sẽ chịu đựng cuộc sống của mình. Cô quả quyết với Tristan rằng chẳng có gì dính dáng đến sự thương thân, chỉ vì cô không chịu nổi những thời kỳ điên dại và sự vắng mặt của anh được nữa.

Lúc cô dừng lại, Tristan cố thu thập vài khoảnh khắc, đầu óc anh quay cuồng vì hoảng hốt. Anh vội vã tuôn trào cả lời lẽ lẫn suy nghĩ, cảm thấy trái tim đờ đẫn và rụng xuống, chìm sâu mãi vì thực tại. Anh nói Susannah không thể chịu đựng cuộc sống của cô vì cuộc sống thật kinh khủng và phức tạp, rồi sẽ có ngày họ lại có thể sống cùng nhau. Ít ra là một năm nữa anh sẽ trở về, họ sẽ lại gặp nhau, lúc đó tâm trí và tinh thần sáng sủa, họ sẽ có thể nói chuyện một cách bình tĩnh.

Thế là anh đi, còn cô lại hy vọng, bám lấy lời dối trá của anh để cứu vãn đời cô khỏi chấm dứt. Susannah hy vọng nhiều hơn vì trước kia anh đã bỏ đi nhiều năm như thế, vì cô tưởng cô đã hiểu anh sâu sắc, anh lại muốn chung sống với cô lần nữa. Sức khỏe của Susannah khá lên đột ngột và khi trở về Washington, Alfred và bác sĩ tâm thần rất hài lòng vì cách cư xử của cô trong hơn mười tháng sau, họ hy vọng cũng sôi nổi và nhảm lẫn như chính cô vậy.

Ở San Francisco, Tristan, gã Cree và gã Na Uy nhanh chóng liên hệ với gã Mexico, rồi lên thuyền buồm và ra khơi trong bóng tối mịt mù. Theo lời khuyên của đại diện người chưng cất rượu, gã Mexico đã để lại dấu vết ở bến tàu là chiếc thuyền đi Hawaii để giao hàng ở Maui. Họ lên đường trong thời tiết bão tố, lạnh giá của miền bắc, ngược theo bờ biển và trong một tuần đi đường thuận lợi, họ đã đến một vịnh nhỏ gần Church Point ở đảo Vancouver. Họ chất hàng trong đêm tối và trở lại điểm hẹn ở vịnh Bolinas ngay phía bắc San Francisco.

Vận may tiếp tục theo họ ở Bolinas, việc dỡ hàng và thanh toán sòng phẳng không gặp trở ngại gì. Tristan và gã Mexico được một người đưa xuống San Francisco giúp thỏa thuận chuyển hàng tiếp theo, do một nhóm chủ khách sạn trả tiền. Sau cuộc gặp trong căn phòng bên trên hàng bán rượu lậu ở North Beach, người đó lái xe đưa họ đến thẳng Golden Gate, đỗ bữa cạnh một nhà hàng trên cầu tàu để ăn một bữa ăn nhanh. Lúc buổi trưa, gã Mexico lo lắng khi nghĩ vừa thoáng thấy một kẻ giống hệt A. trước kia. Lúc họ ra khỏi bãi đỗ, bốn tên đàn ông nhanh chóng vây quanh họ, nện Tristan và gã Mexico bất tỉnh bằng dùi cui, rồi ném trả về xe họ, cắt cổ người đàn ông kia. Trước khi đánh, tên lịch sự nhất trong những kẻ tấn

công bảo tốt nhất họ tránh xa việc buôn rượu ở bờ biển này đi. Sau nửa đêm, lúc tỉnh dậy Tristan nhớ lại bộ comple màu xám và cặp mắt tươi cười của hắn, cùng đôi giày đi núi của dân Irish. Tristan và gã Mexico kéo người đàn ông bị cắt cổ ra khỏi xe, lái trở lại hàng bán rượu lậu và hỏi liệu công việc có tiếp tục nữa không. Nó vẫn thế.

Khi từ Canada trở về California, lần này đến vịnh Tomales gần Point Reyes, họ đã sẵn sàng lúc rạng đông, một chiếc xuồng lớn áp sát vào chỗ thuyền họ thả neo. Những người trong xuồng không biết Tristan đã dỡ hàng trên bờ biển cách đây vài dặm. Lúc xuồng đến gần, Tristan và gã Mexico nằm dưới tầm buồm ướn quan sát, còn gã Na Uy và gã Cree ở bên dưới sẵn sàng đột tấn công thứ hai nếu cần. Chiếc xuồng quét một tràng súng máy đánh gọn trước khi Tristan và gã Mexico khai hỏa rất chính xác khẩu súng săn 375. Tristan nhận ra hai tên đánh anh và họ lia loạt đạn đầu tiên 500 grain⁽²⁾ dành cho những động vật có vú lớn nhất trái đất, thổi bay bọn chúng thành từng mảnh bắn tung khỏi xuồng. Gã Mexico theo dõi mớ nước của xuồng, rồi phát hiện ra đầu của hai tên còn lại đang bơi chới trong làn nước thủy triều đang lên.

Họ dong buồm về hướng nam đến Ensenada, và Tristan nhận ra rằng dù anh thắng trận này nhưng không thể thắng trong cả cuộc chiến. Suốt mùa đông anh im hơi lặng tiếng, còn gã Mexico trở về Vera Cruz, ví đầy ắp nhưng hiểu rằng cuộc chơi đã kết thúc. Một tháng sau, Tristan cử gã Cree và gã Na Uy mang về nhà ở nông trại một bức thư dài cho các con, nhắn Ludlow và Decker rằng anh sẽ về nhà, sau khi thăm Alfred và Susannah trong mùa đua ngựa ở Saratoga. Tristan thuê một ngư dân già người Mexico và vợ ông ta trông nom con thuyền và nấu ăn cho anh. Anh uống rượu, rồi nghĩ đến Susannah và những gì có thể nói vì hồi tháng Sáu đã chẳng kể gì với cô. Anh bắt đầu buồn nhớ các con và cho phép vợ chồng lão ngư dân đưa ba đứa cháu lên thuyền khi mẹ chúng bỏ rơi chúng. Anh dành nhiều ngày uống rượu, cùng ông già câu cá bằng dây câu trên chiếc xà lan nhỏ có buồm. Đầu tháng Năm, anh day dứt nhớ các con đến mức để chiếc thuyền buồm lại cho đôi vợ chồng già trông nom, rồi đi về hướng bắc. Anh chẳng có ý niệm mơ hồ về việc

anh có thể thôi thúc Susannah sống lâu hơn biết chừng nào, nhưng anh về nhà trước khi đi về hướng đông đến Saratoga.

Tristan không có mấy giờ thành thoi ở Montana khi anh về đến nông trại hồi tháng Sáu. Mọi người có vẻ dễ chịu sau một mùa đông khắc nghiệt, dù Ludlow có phần yếu đi và giữa tháng Năm Isabel tạt qua nhà đã thảm ngẫm thế. Đến bữa trưa, Decker nhắc rằng có hai người Irish bạn cũ của Tristan từ California vừa đến hôm kia, nhưng không may anh bảo họ rằng Tristan đến Saratoga. Tristan cảm thấy lạnh buốt sống lưng và giận điên lên khi biết rằng tất cả những người anh yêu quý đều có nguy cơ bị chết.

Tảng sáng hôm sau, Decker và One Stab đưa anh đến ga xe lửa ở Great Falls. Decker rất e ngại và muốn đi cùng nhưng Tristan không cho, bảo anh ta phải ở lại trông nom nông trại. Trước khi họ ra về vào lúc chiều muộn, gã Cree và gã Na Uy đã có mặt ở hành lang, kể rằng có những kẻ lạ mặt vụt qua trong tầm nhìn. Tristan lên tàu, mặc bộ comple cũ của Samuel (anh chẳng có bộ nào), một túi đầy tiền và đồ lót, khẩu súng lục Beasley của ông nội và con dao găm của One Stab.

Khi Tristan đến New York, anh vội vã mua quần áo và một chiếc ô tô rồi lái hết tốc lực về hướng bắc đến Saratoga Springs. Mùa đua đang sôi nổi dù kinh tế suy thoái và anh không sao tìm được phòng trọ, nên đành ở lều của khách du lịch gần Glens Falls. Anh cạo phẳng bộ ria và sáng hôm sau mua quần áo của một người giữ ngựa rồi thay bên dưới khán đài, tiếng ầm ầm của đám đông ngay trên đầu. Giữa các cuộc đua, anh xách xô nước và cái bàn chải ngựa, ngắm cuộc diễu hành long trọng của những con ngựa trên lớp cỏ mới xén ở đằng sau khán đài lớn, biểu diễn cho cuộc đua tiếp theo. Anh quan sát đám đông thật kỹ và nhận ra Alfred và ông bố vợ, Susannah che dù đang đứng với một nhóm các chủ ngựa sang trọng, gồm một nhóm nhỏ người Whitneys, Vanderbilts, Guests và Wideners; sau đó anh phát hiện ra một trong những tên Irish đứng gần luống hoa trang trí lộng lẫy, ăn mặc bảnh bao nhưng rõ ràng là hần. Tristan đến bãi giữ ngựa gần chuồng, đi qua một người đàn ông to lớn, bóng bẩy đang nói chuyện với một tay đô kê. Lúc đi ngang qua, Tristan nhận ra giọng nói của tên thứ ba đã đánh anh ở

North Beach. Tristan không quay lại và đi thẳng vào chuồng ngựa, người ta bảo anh dọn dẹp các ngăn chuồng. Đúng lúc đó, tên đàn ông vào chuồng và nhìn quanh rụt rè. Hắn vào một ngăn vắng để đi tiểu. Tristan theo sau và rập mạnh đầu hắn vào tường rồi đè cái chạc cào phân hai răng nặng nề lên đầu hắn. Tristan vùi đầu dưới lớp rơm và phân trong góc chuồng rồi trở lại nhà vệ sinh trong khán đài để thay quần áo. Anh xác định vị trí của tên Irish thứ hai và theo hắn đến nhà nghỉ của du khách sau khi hắn đã nhìn quanh tìm đồng bọn, cho đến lúc sân đua gần như vắng ngắt. Tristan đi theo hắn đến tận lúc chiều muộn chờ dịp, cho đến lúc hắn từ bữa nhậu nhết về nhà trên hè đường có bóng mát gần nhà cho du khách. Tristan bẻ gãy cổ hắn, đổ sạch một thùng rác rồi nhét hắn vào trong và nhẹ nhàng đập nắp lại.

Sáng hôm sau, sau một giấc ngủ say sưa nhờ rượu whiskey, anh lái xe về Saratoga, mặc bộ quần áo đắt tiền mua ở New York. Anh hy vọng có thể tách Susannah ra một lát và bằng cách nào đấy quyết với cô về tình yêu của anh, đủ để giữ cho cô sống tiếp. Cơ hội của anh đã đến sau bữa trưa, lúc cô đứng ngắm con ngựa hồng trong cuộc đua đầu tiên. Tristan đứng cạnh cô cho đến lúc cô nhận ra anh nhưng cô không tỏ ra ngạc nhiên, chỉ nói rằng cô biết anh sẽ đến.

Họ nhanh chóng ra khỏi trường đua đến ngôi nhà cách đó mấy khối, cha cô vẫn giữ cho mùa đua ngựa. Tristan hơi do dự, nhưng cô nói ít ra còn một giờ hoặc hơn, người ta mới thấy thiếu cô. Thật không may, Alfred đã phân công cho một trong những người trợ lý của thượng nghị sĩ để mắt đến Susannah vì cô có vấn đề về thần kinh. Sau lúc người trợ lý thấy Susannah vào nhà với một người đàn ông lạ, anh ta vội chạy lại trường đua báo cho Alfred.

Susannah dẫn Tristan đến phòng ngủ của chủ nhân để tránh bị các cô hầu đột nhập. Thoạt đầu cô tỏ vẻ lãnh đạm và khắt khe, đòi Tristan gặp cô ở Paris vào giữa tháng Mười. Anh từ chối, nói rằng thời gian đó không thích hợp. Cô trở nên kích động và anh gợi ý mùa xuân sang năm như một sự thỏa hiệp, ngoài lúc đó ra cô không thể đi đâu. Cuối cùng là một lúc im lặng dài, đau đớn không chịu nổi khi anh nhận thấy những dấu hiệu chứng tỏ cơn điên của Susannah

sắp đến. Anh chặn trước bằng cách kéo cô vào người và cam đoan rằng tháng Năm tới anh sẽ sẵn sàng. Cô run bắn lên trong tay anh và lúc anh nhìn chăm chăm qua vai cô, Alfred đã bước vào phòng. Susannah cảm thấy bàn tay Tristan cứng lại trên lưng cô và nghe thấy tiếng đóng cửa. Cô đoán việc xảy ra và lòng cô nhẹ hẳn khi nghĩ rằng mọi sự như thế là chấm dứt và cô có thể ra đi cùng Tristan.

Họ cứ đứng như những pho tượng đá trong vườn, nghe tiếng thở của nhau và những tiếng ồn ào xa xa vọng từ trường đua. Alfred chỉ nói với Tristan:

– Tao muốn giết mày.

Tristan dứt khỏi Susannah và đưa cho Alfred khẩu súng lục của mình. Alfred trân trối nhìn khẩu súng rồi dí miệng súng vào thái dương Tristan. Họ nhìn nhau và Susannah tiến đến gần họ như người mộng du. Alfred quay súng vào đầu mình và Tristan đánh bật nó ra khỏi bàn tay anh. Alfred sụp xuống sàn khóc nức nở, còn Susannah cúi xuống bên anh, bình tĩnh và vô tư nói rằng đây là một sự hiểu lầm khủng khiếp, rằng cô sẽ ở lại với anh mãi mãi. Rồi Alfred đứng lên, anh và Tristan trao đổi một cái nhìn không thể nói nên lời, vượt xa ngoài tầm hiểu biết, nhưng cái nhìn của Alfred không vương một chút hận thù. Susannah theo Tristan vào phòng khách, hôn anh và cười rồi nói rằng có lẽ một ngày nào đó họ sẽ gặp nhau ở thiên đường hoặc địa ngục, ở bất cứ nơi nào con người đến, nếu họ đến được bất cứ nơi đâu.

Trên đường về nhà, Tristan đờ đẫn vì những ý nghĩ u ám và vì rượu, anh cười phá lên lúc đổi tàu ở Chicago, anh nhìn thấy trên quầy báo lệnh huỷ bỏ Luật Cấm rượu. Về đến nhà, Tristan chăm chỉ làm lưng với lũ ngựa, vui đùa cùng các con và đi săn cùng One Stab, ông lão có vẻ nhanh nhẩu giả tạo và xanh xao của người già, nhưng không chịu thừa nhận tuổi tác.

Gần đến cuối tháng Chín, Tristan nhận được một bức điện của Alfred từ Asheville, Bắc Carolina: "Chú đã có cô ấy. Tôi đang gửi cô ấy về nhà...". Tristan phi ngựa đến Chateau kiểm tra bằng điện thoại địa chỉ gửi, và rất lo lắng thấy đó là địa chỉ của một nhà thương điên

tư nhân. Anh mượn chiếc xe tải Ford và lái đến Great Falls đón tàu, hơi bối rối nhưng dù sao cũng hình dung ra rằng anh sẽ dùng phần đời còn lại để chăm nom Susannah, mừng tượng rằng cuối cùng ở nông trại, có lẽ cô sẽ khoẻ lên. Tristan đón đoàn tàu với cảm giác lạnh buốt trong bụng nhưng anh bất chấp. Một chính khách bạn của Alfred đến gần Tristan, dẫn anh đến toa chờ hành lý, đưa cho anh một danh sách những lời chỉ dẫn về việc mai táng lúc phu khuân vác dỡ chiếc quan tài bằng gỗ hồng mộc bóng loáng xuống.

Chẳng còn gì nhiều mà kể nữa. Susannah được chôn cất cạnh Samuel và Hai, và hồi bạn đọc, nếu anh ấy và cô ấy là tín đồ ngây thơ, có thể cảnh báo Chúa Trời rằng hãy để anh ta một mình hoặc những việc tầm phào như thế. Không ai hiểu được vì sao tính ngẫu nhiên lại là sự kết hợp của báng bổ và định mệnh. Chỉ có một nhà nghiên cứu thần học lâu đời mới có thể suy xét việc Tristan nguyên rủa Chúa Trời từ nhiều năm trước ở Pháp, lúc anh và Noel bọc trái tim của Samuel trong nến. Người đương đại coi những sự kiện như thế hoàn toàn là ngang trái, có đủ mọi loại như nước ở nơi sâu nhất và xa nhất của Thái Bình Dương.

Một sáng Chủ nhật ấm áp giữa tháng Mười vài tuần sau tang lễ, Samuel và Ba đang chơi bập bênh trên hiên bằng chiếc hiên ngựa nhỏ và dây buộc vào tay vịn. Isabel đã mang bữa sáng lên gác cho Ludlow, ông thấy không được khoẻ. Bà đang đọc *Pierre*, hoặc *Những sự mơ hồ* của Melville cho ông nghe. Ludlow ưa thích Melville trong khi Isabel thấy tác giả này khá buồn chán.

Trong bếp, Pet đang gói bữa trưa cho Tristan và các con đi chơi ngoài trời. Chị chăm chú lắng nghe câu chuyện của Decker và Tristan. Họ đang cố tìm cách thoát khỏi tình thế quá khó xử: rõ ràng bọn Irish có thể trở lại để báo thù. Tristan vươn vai và đến chỗ Pet hỏi ý kiến chị. Chị nói điều họ cần quan tâm nhất là bọn trẻ con và điều duy nhất quan trọng với chị là chúng được an toàn. Isabel Ba bước vào và kéo mạnh tay bố. Tristan hôn cô bé và bảo đợi mười phút nữa, cô bé chạy ra hiên hét tướng lên với Samuel mười phút nữa.

Decker gợi ý nên đến Cuba là nơi Tristan có một finca nhỏ anh mua từ mười năm trước, hiện giờ do hai thủy thủ người Cuba trông

nom, từ mùa xuân năm ngoái họ đã chờ đến hai con ngựa cái tốt để gây giống. Tristan lo lắng đến việc học của bọn trẻ và Decker nói tính mạng của bố chúng quan trọng hơn việc học hành. Pet là người đầu tiên nghe thấy tiếng ô tô, chị cứng người nhưng Samuel kêu to là cảnh sát đến và chị nguôi đi. Decker theo Tristan ra hiên và đứng lại với các cháu lúc Tristan đến gần hai cảnh sát đang đứng cạnh chiếc xe Ford hai chỗ.

Tristan ung dung và gần như chịu đựng lúc gật đầu chào mấy người cảnh sát, nhưng tim anh chột nẩy lên khi nhìn thấy một đứa chính là tên Irish lịch sự ở San Francisco và tên kia là một kẻ đâm thuê chém mướn, vụng về trong bộ đồng phục. Họ nhìn nhau trừng trừng trong giây lát.

– Tao đã mất hai người anh. Tốt nhất là chúng ta dàn xếp chuyện này - Tên đàn ông nói.

Tristan liếc vào hàng hiên, nơi Decker đang đứng cạnh Samuel, Ba và One Stab. Anh biết anh sắp hết đời và tim anh nhức nhối vì các con đang đứng trong ánh mặt trời trên hiên.

– Tôi sẽ đi với các anh, tôi chỉ muốn các con tôi không nhìn thấy - Tristan nói.

Tên Irish gật đầu rồi bồng giật mình vì Ludlow mặc áo ngủ, đi chân trần, lão đảo qua lớp cỏ màu nâu khô héo, chiếc áo khoác bằng da bò rừng quấn quanh người. Tristan lịch thiệp nói đây là cha anh nhưng Ludlow lắc mái đầu bạc trắng, giơ chiếc bảng đen trên viết: "Chuyện này nghĩa là gì vậy?".

Tên Irish khe khẽ xin lỗi, nói hấn rất tiếc nhưng Tristan phải trả món nợ với xã hội bằng một thời gian dài ở tù. Ludlow lắc đầu, thân hình ông thành linh giật nẩy lên như thể ông là con chim ưng đang vỗ mồi. Ông nâng khẩu súng săn cỡ 12 ly để dọc chân lên qua kẽ hở của chiếc áo choàng và thổi bay hai tên Irish vào chốn vĩnh hằng.

Ghi chú:

(1) *Prohibition: Luật cấm nấu rượu và bán rượu, thời kỳ 1920 - 1933 ở Mỹ*

(2) *grain*: đơn vị trọng lượng, bằng 0,0648 gr

Phần kết

Buổi sáng tháng Mười ấy là kết cục câu chuyện của Tristan. Sau cái hậu quả choáng váng ấy, Ludlow đổ sụp xuống nhưng đến bữa trưa thì hồi tỉnh. Tristan ôm lấy các con, và Pet giải thích với chúng rằng những tên ác quỷ kia đến để giết bố chúng. Isabel kích động một cách lặng lẽ. Decker, gã Cree và gã Na Uy chôn những cái xác và đêm ấy, gã Cree vứt chiếc ô tô vào vực sâu ở thượng lưu sông Missouri. Nhưng chính lão One Stab mới là người sướng đến phát cuồng trước khi tiếng vang của những phát súng tắt dần. Lão nhảy múa và hát vòng quanh các xác chết, thân hình lão hết uốn cong lại nhảy cẫng lên, lão ngân nga nho nhỏ một bài hát, rồi lão cúi xuống ôm ông Ludlow bất tỉnh trong vòng tay. Tristan biết nếu không phải chính ông Ludlow giết, trong lúc phấn khích lão One Stab có thể lột phăng da đầu bọn chúng.

Sau đó, Tristan đưa các con lên thuyền buồm đi Cuba và mãi hai mươi ba năm sau mới rời bỏ nơi ấy, lúc nông trại thuộc sở hữu của Isabel Ba và chồng cô gần McLeod ở Alberta bắt đầu nhiều thay đổi về mọi mặt. Nếu bạn ngược lên gần Choteau và xuôi xuống đường Ramshorn bên nông trại lúc này là của con trai Alfred trong cuộc hôn nhân thứ hai, bạn sẽ không được phép vào. Đây là một biện pháp hiện đại có hiệu quả, nhưng trong hẻm núi ở sau nông trại có những ngôi mộ mang ý nghĩa nhất định với số người ít ỏi còn lại trên đời: Samuel, Isabel Hai, Susannah và tách ra một chút là Ludlow chôn giữa những người bạn thực sự của ông. One Stab và bà Isabel; cách đây một khoảng nhỏ là Decker và Pet. Lúc nào cũng tro tro, tách rời và vì lý do nào đó là người cô đơn, Tristan được chôn ngược lên phía trên, ở tận Alberta.

Hết.